

Kitô Giáo hay Giáo Hội

Thánh Ilarion (Troitsky)



Chuyển ngữ bởi Muối Của Đất

25.07.2024

I. Lời mở đầu

Thông thường, mọi người sẽ giữ im lặng về những chủ đề mà họ không có kiến thức hoặc không hiểu. Dĩ nhiên điều này là hoàn toàn hợp lý. Hãy thử tưởng tượng một người không có kiến thức về hóa học nhưng lại liên tục can thiệp vào công việc của các nhà hóa học. Anh ta chỉnh sửa lại các công thức khoa học, vốn đã được dày công nghiên cứu, bằng việc đảo lộn trật tự hoặc thay thế chúng. Chúng ta sẽ đồng ý rằng hành động của một người như vậy là cực kỳ thiếu cần và rằng anh ta đáng được thương hại.

Tuy nhiên, có một lĩnh vực mà quá nhiều người tự coi mình là bậc thầy hoàn hảo, thậm chí gần như là nhà lập pháp; đó là lĩnh vực về đức tin Kitô giáo và Giáo Hội. Trong lĩnh vực này, những công thức rõ ràng và vững chắc cũng đã được thiết lập, vốn được đúc kết qua quá trình suy luận thần học, sự hướng dẫn tâm linh, đức tin và lòng mộ đạo. Những công thức này đã được thiết lập và cần được chấp nhận dựa trên cơ sở của đức tin. Bất chấp sự thật này, rất nhiều người giải quyết các vấn đề đức tin và Giáo Hội chỉ với tư cách là những nhà cải cách táo bạo và quyết đoán, muốn thay đổi mọi thứ theo cách họ muốn. Khi gặp những vấn đề mà họ không có đủ kiến thức hoặc hiểu biết, họ lại càng không muốn giữ im lặng. Ngược lại, họ không chỉ bắt đầu nói, mà lại còn gào thét. Những tiếng gào thét về các vấn đề đức tin và Giáo Hội thường xuất hiện trên các trang báo và trong các cuộc trò chuyện thường ngày của những người mà, nhìn chung, rất hiếm khi nghĩ về đức tin và Giáo Hội. Nếu họ có nghĩ đến những chủ đề đó, họ thường thích thể hiện mình bằng một giọng điệu trích thượng và cáo buộc.

Trong một bầu không khí như vậy, vô số những quan điểm sai lệch khác nhau đã được sinh ra và trở nên thịnh hành vì chẳng

ai buồn bực tâm xem xét và kiểm chứng chúng. Khi những quan điểm ấy xuất hiện tràn lan thì ngay cả những người mà tâm hồn họ dành trọn cho đức tin và Giáo Hội đều có thể tiếp nhận chúng trong vô thức.

Một trong những ý kiến thịnh hành và “được chấp nhận” nhiều nhất là điều mà chúng ta gọi là “sự tách biệt của Kitô giáo ra khỏi Giáo Hội.” Chúng ta sẽ xem xét nó với sự giúp đỡ của Lời Chúa và bài viết của các giáo phụ.

II. Giáo Hội được thiết kế để phản ánh sự hiệp nhất hoàn hảo của Chúa Ba Ngôi

Cuộc đời của Đấng Kitô Cứu Thế mang đến cho người đọc Tin Mừng Thánh Thần nhiều khoảnh khắc thiêng liêng, lấp đầy tâm hồn với một sự cao cả đặc biệt. Nhưng có lẽ khoảnh khắc vĩ đại nhất trong cuộc đời của toàn nhân loại là khi, trong bóng tối của một đêm phương nam, dưới những vòm cây vừa xanh treo lơ lửng, qua đó thiên đàng dường như đang nhìn xuống trần gian tội lỗi với những vì sao lấp lánh, Chúa Giêsu Kitô, trong lời cầu nguyện Thượng Tế của Ngài, đã tuyên bố:

“Lạy Cha chí thánh, xin gìn giữ các môn đệ trong danh Cha mà Cha đã ban cho Con, để họ nên một như chúng Ta ... Con không chỉ cầu nguyện cho những người này, nhưng còn cho những ai nhờ lời họ mà tin vào Con, để tất cả nên một, như Cha ở trong Con và Con ở trong Cha để họ cũng ở trong chúng Ta” (Gioan 17:11; 20-21).

Chúng ta cần chú ý đặc biệt đến những lời này của Đấng Kitô vì chúng định nghĩa rõ ràng bản chất của toàn bộ Kitô giáo. Kitô giáo không phải là một giáo lý trừu tượng được chấp nhận bởi tâm trí và được hiểu riêng lẻ tùy theo mỗi người. Ngược lại, Kitô giáo là một sự sống, trong đó mỗi nhân vị riêng lẻ được gắn kết

với nhau đến mức mà sự hiệp nhất của họ có thể được ví như sự hiệp nhất của các Ngôi Vị trong Chúa Ba Ngôi. Đấng Kitô không chỉ cầu nguyện rằng giáo lý của Ngài sẽ được giữ gìn để có thể lan rộng ra khắp thế gian. Ngài cầu nguyện cho sự hiệp nhất của tất cả những người tin vào Ngài. Đấng Kitô cầu nguyện với Cha trên trời của Ngài cho việc thiết lập, hay nói một cách chính xác hơn là sự phục hồi, của sự hiệp nhất tự nhiên của toàn nhân loại trên trần gian. Nhân loại được tạo ra từ một cội nguồn chung và từ một nguồn gốc duy nhất (xem Công Vụ Tông Đồ 17:26).

Theo lời của Thánh Basil Cả, “Nhân loại sẽ không có sự chia cắt, hay bất hòa, hay chiến tranh nếu tội lỗi đã không chia cắt bản chất của nó”; và, “đây là điểm mấu chốt trong sự cứu rỗi của Chúa qua sự nhập thể của Ngài—để đưa bản chất con người vào sự hiệp nhất với Ngài và với Đấng Cứu Thế. Sau đó, khi đã huỷ diệt phần xấu xa, để lập lại sự hiệp nhất ban đầu như một người bác sĩ tài giỏi nhất, thông qua việc điều trị chữa lành, Ngài vá lại thân thể vốn đã bị cắt xé ra thành từng mảnh.” Giáo Hội được hình thành từ sự hiệp nhất của các cá nhân; không chỉ của các tông đồ mà còn là của tất cả những người tin vào Đấng Kitô theo những gì họ thú nhận. Không có gì ở trần gian là có thể so sánh được với cộng đồng mới của những người đã được cứu rỗi. Không có hình thức hiệp nhất nào trên thế gian có thể so sánh được với sự hiệp nhất của Giáo Hội. Sự hiệp nhất ấy chỉ có thể được tìm thấy trên thiên đàng. Trên thiên đàng, tình yêu vô song của Cha, Con và Thánh Thần hiệp nhất ba Ngôi Vị thành một Thực Thể, không phải ba Thực Thể, mà là Một Chúa sống một cuộc sống ba ngôi. Những người đã được Đấng Kitô cầu nguyện với Cha trên trời của Ngài: “để tình Cha đã yêu thương Con, ở trong họ, và Con cũng ở trong họ nữa” (Gioan 17:26) cũng được gọi đến với một tình yêu có thể hiệp nhất nhiều người lại thành một trạng thái thống nhất.

Trong những lời của Đấng Kitô vừa được nhắc đến, chân lý của Giáo Hội được đặt trong sự hiệp nhất chặt chẽ nhất với sự huyền nhiệm của Chúa Ba Ngôi Chí Thánh. Những người bước vào Giáo Hội và yêu Giáo Hội sẽ giống như ba Ngôi Vị của Chúa Ba Ngôi, tình yêu của họ sẽ hiệp nhất họ lại thành một thực thể. Giáo Hội giống như một bản chất duy nhất của nhiều nhân vị, được tạo ra từ sự khởi đầu đức hạnh của tình yêu. Đây chính xác là chủ đề trong lời cầu nguyện thiêng liêng đầu tiên của Đấng Kitô Cứu Thế được hiểu bởi rất nhiều các cha và bậc thầy lỗi lạc của Giáo Hội—Thánh Cyprian của Carthage, Thánh Basil Cả, Thánh Gregory của Nyssa, Thánh Ambrose của Milan, Thánh Hilary của Poitiers, Thánh Cyril của Alexandria, Thánh Augustine của Hippo và Thánh John Cassian. Tôi đã cho phép mình trích dẫn một số đoạn ngắn về chủ đề này trong các bài viết của các giáo phụ vĩ đại và nổi tiếng này.

Thánh Cyprian của Carthage, trong bức thư gửi Magnus, nói: “Đức Chúa, Đấng dạy chúng ta rằng sự hiệp nhất đến từ quyền năng thánh thần, đã khẳng định và nói: “Ta và Chúa Cha là một” (Gioan 10:30). Trong bài viết “Kinh Lạy Cha,” Cyprian cũng nói: “Không hài lòng khi Ngài đã chuộc tội cho chúng ta bằng máu của Ngài, Ngài cũng đã cầu thay cho chúng ta. Khi Ngài cầu thay cho chúng ta, đây là điều Ngài mong muốn: rằng chúng ta sẽ sống trong cùng một trạng thái hiệp nhất của Cha và Con là một.”

Đây là điều Thánh Cyril của Alexandria viết: “Đấng Kitô, sau khi lấy làm gương và hình ảnh cho tình yêu thương không thể bị chia cắt, sự hòa thuận và hiệp nhất chỉ có thể hiểu được trong sự đồng thuận, sự hiệp nhất về bản thể mà Cha có với Ngài và Ngài, đến lượt Mình, có với Cha, mong muốn rằng chúng ta cũng nên hiệp nhất lại với nhau; rõ ràng như sự hiệp nhất đồng bản thể, Chúa Ba Ngôi Thánh hiệp nhất để cả thân thể của Giáo Hội được xem như một, thăng tiến trong Đấng Kitô qua sự kết hợp

và hiệp nhất của hai người vào thành phần của một sự toàn thể hoàn hảo mới. Hình ảnh về sự hiệp nhất Thánh Thần và tính chất đồng bản thể của Chúa Ba Ngôi Thánh, vốn được nhập vào nhau theo một cách hoàn hảo nhất, phải được phản ánh trong sự hiệp nhất của các tín hữu, những người có chung một trái tim và tâm trí.” Thánh Cyril cũng chỉ ra “sự hiệp nhất tự nhiên mà chúng ta được ràng buộc với nhau, và tất cả chúng ta với Chúa, không thể tồn tại mà không có sự hiệp nhất của thân thể.”

Vì vậy, tất cả các công trình trên thế gian của Đấng Kitô không thể chỉ được xem như là giáo lý. Đấng Kitô không xuống thế gian để thông báo một vài đề xuất lý thuyết mới cho nhân loại. Không! Ngài đến để tạo ra một sự sống hoàn toàn mới cho nhân loại, đó chính là Giáo Hội. Chính Đấng Kitô nói rằng Ngài sẽ xây dựng Giáo Hội (xem Mát-thêu 16:18).

Cộng đồng những con người mới này, theo chính quan niệm của Đấng Tạo Hóa, hoàn toàn khác biệt với tất cả các hiệp hội khác của con người trong các xã hội khác nhau. Chính Đấng Kitô thường gọi Giáo Hội của Ngài là Vương Quốc của Chúa và nói rằng Vương Quốc này không thuộc về thế gian, nghĩa là bản chất của nó không thuộc về thế gian, không phải là tạm thời; nó không thể được so sánh với các vương quốc khác của trần gian (xem Gioan 14:27; 15:19; 17:14-16; 18:36).

Ý niệm về việc Giáo Hội là một cộng đồng mới, hoàn hảo, tách biệt với cộng đồng của tổ chức chính quyền được thể hiện sâu sắc và đẹp đẽ trong kinh kontakion của lễ Giáng Thế của Chúa Thánh Thần, khi Giáo Hội nhớ lại và cử hành sự khởi đầu của chính mình. “Khi Đấng Tối Cao xuống và làm xáo trộn các tiếng nói, Ngài đã chia cắt các dân tộc, nhưng khi Ngài phân phát những chiếc lưới có lửa, Ngài đã gọi tất cả về chung một sự hiệp nhất. Vì vậy, chúng ta hãy đồng thanh ca ngợi Chúa Thánh Thần Chí Thánh.” Ở đây sự hình thành của Giáo Hội được đặt trong sự đối lập với Thập

Babel và “sự xáo trộn các tiếng nói,” lúc mà Đức Chúa, Đấng Tối Cao, đã xuống, làm xáo trộn tiếng nói và chia rẽ các dân tộc.

Câu chuyện Kinh Thánh về Tháp Babel có một ý nghĩa cực kỳ sâu sắc. Ngay trước sự kiện này, Kinh Thánh kể về những thành tựu đầu tiên của con người tội lỗi trong các lĩnh vực văn hóa và xã hội. Đây là thời điểm mà con người bắt đầu xây dựng các thành phố bằng đá. Vào lúc này, Chúa đã làm xáo trộn tiếng nói của những người sống trên mặt đất để họ không còn hiểu nhau nữa và bị phân tán khắp nơi trên mặt đất (Sáng Thế 11:4, 7-8). Sự kiện “xây dựng Tháp Babel” này cho chúng ta thấy một hình mẫu tổng thể của một xã hội dân sự hoặc chính quyền, dựa trên một tiêu chuẩn pháp lý bề mặt.

Nhà triết học Nga V. S. Soloviev định nghĩa luật pháp như sau: “Luật pháp là một yêu cầu bắt buộc nhằm đạt được một mức độ tối thiểu của việc tốt hoặc trật tự, ngăn chặn những biểu hiện nhất định của điều ác.” Ngay cả khi chúng ta chấp nhận định nghĩa này về luật pháp, thì rõ ràng nó sẽ không bao giờ phù hợp với đạo đức Kitô giáo. Luật pháp chạm đến khía cạnh bề ngoài và bỏ qua bản chất của con người. Một xã hội được hình thành trên nền tảng pháp lý không bao giờ có thể đưa con người vào sự hiệp nhất. Sự hiệp nhất bị phá hủy bởi thói yêu bản thân và tính vị kỷ, vì luật pháp không loại bỏ cái tôi của mỗi người. Ngược lại, luật pháp chỉ khẳng định nó, bảo vệ nó khỏi sự xâm phạm bởi những cái tôi của người khác. Mục đích của một nhà nước dựa trên luật pháp là tạo ra, trong khả năng có thể, một trật tự mà trong đó cái tôi vị kỷ của mỗi thành viên có thể tự tìm thấy sự thỏa mãn cho bản thân mà không vi phạm đến lợi ích của người khác. Con đường duy nhất để tạo ra một trật tự như vậy chỉ có thể là đặt ra một số hạn chế đối với tính vị kỷ của từng thành viên. Ở đây, chúng ta thấy một sự mâu thuẫn không thể giải quyết được của luật pháp: nó khẳng định tính vị kỷ, nhưng lại đồng thời áp đặt hạn chế lên

nó. Như vậy, một xã hội được hình thành trên cơ sở pháp lý luôn mang trong mình mầm mống của sự tự huỷ hoại, vì nó bảo vệ tính vị kỷ, thứ liên tục ăn mòn mọi sự hiệp nhất. Số phận của Tháp Babel chính là số phận của xã hội pháp lý. Trong một xã hội như vậy, “sự xáo trộn tiếng nói” thường xuyên xảy ra, khi mọi người ngừng hiểu nhau ngay cả khi họ nói chung một ngôn ngữ. Trật tự pháp lý thường nhường chỗ cho sự hỗn loạn khủng khiếp.

Xã hội của Kitô giáo—Giáo Hội—là sự tương phản trực diện với một xã hội pháp lý, thuần túy tạm thời. “Nhưng khi Ngài phân phát những chiếc lưỡi có lửa, Ngài đã gọi tất cả về chung một sự hiệp nhất.” Đấng Kitô không tạo ra Giáo Hội như một phương tiện để bảo vệ cái tôi vị kỷ của con người, mà như một phương tiện để hoàn toàn loại bỏ nó.

Cơ sở của sự hiệp nhất trong Giáo Hội không nằm ở các nguyên tắc pháp lý, vốn bảo vệ tính vị kỷ của từng cá nhân, mà là tình yêu thương, điều đối lập với tính vị kỷ của từng cá nhân. Trong cuộc trò chuyện tạm biệt, Đấng Kitô đã nói với các môn đệ của Ngài: “Thầy ban cho anh em một điều răn mới là anh em hãy yêu thương nhau; anh em hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương anh em. Mọi người sẽ nhận biết anh em là môn đệ của Thầy ở điểm này: là anh em có lòng yêu thương nhau” (Gioan 13:34-35).

Chính sự “khởi đầu mới” này trong sự hiệp nhất của Giáo Hội mới có thể tạo ra được một sự hiệp nhất tự nhiên thay vì một sự hiệp nhất máy móc của những người mà nội tâm bị chia rẽ. Chính Đấng Kitô đã so sánh sự hiệp nhất của Giáo Hội với sự hiệp nhất tự nhiên của cây với các cành của nó (Rôma 11:17, 24).

Thánh Phaolô Tông Đồ đã nói rất chi tiết về sự hiệp nhất tự nhiên của Giáo Hội. Ngài cũng ví Giáo Hội như một cái cây, nhưng thường xuyên hơn, Thánh Tông Đồ Phaolô gọi Giáo Hội là “thân thể”—soma. Việc gọi Giáo Hội là “thân thể” ngay lập tức ngụ ý sự

hiệp nhất của nó, vì hai thân thể không thể hiệp nhất một cách tự nhiên với nhau. Thuật ngữ này cũng chỉ ra tính đặc biệt trong sự hiệp nhất của các thành viên tham gia vào sự hợp thành của Giáo Hội. Hình ảnh của “thân thể” khi áp dụng cho Giáo Hội được Tông Đồ Phaolô miêu tả một cách đẹp đẽ. Tất cả những ai bước vào Giáo Hội đều là những bộ phận riêng lẻ, nhưng cùng nhau hợp thành một thân thể trong Đấng Kitô (Rôma 12:5; 1 Cor. 12:20). Thân thể là một, nhưng nó có nhiều bộ phận và tất cả đều là bộ phận của một thân thể; mặc dù chúng nhiều, chúng hợp thành một thân thể. Thân thể không được hợp thành từ một bộ phận, mà là từ nhiều bộ phận. Nếu cái chân nói, “Tôi không thuộc về thân thể vì tôi không phải là cánh tay,” thì nó có thực sự không thuộc về thân thể không? Và nếu tai sẽ nói, “Tôi không thuộc về thân thể vì tôi không phải là mắt,” thì sau đó nó sẽ không thuộc về thân thể nữa sao?

Chúa đã sắp xếp mỗi bộ phận của thân thể theo ý Ngài (1 Cor. 12:12; 12:16-18) cũng như chúng ta có nhiều bộ phận trong một thân thể, nhưng không phải tất cả các bộ phận đều có cùng một chức năng (Rôma 12:4). Mắt không có thể bảo tay, “Tao không cần đến mày,” cũng như đầu không thể nói điều đó với hai chân. Chúa đã cân đối thân thể dựa trên các bộ phận phụ thuộc lẫn nhau, nhưng tất cả các bộ phận đều có trách nhiệm với nhau. Vì vậy, Nếu một bộ phận nào đau, thì mọi bộ phận cùng đau; Nếu một bộ phận nào được vẻ vang, thì mọi bộ phận cũng vui chung. (1 Cor. 12:21, 24-26, 27; cf. Rôma 12:6, 9).

Nhưng làm thế nào có thể thực hiện một sự hiệp nhất như vậy với mọi người trong một cộng đồng Giáo Hội? Trạng thái tự nhiên của con người phù hợp hơn với việc tạo ra một xã hội chỉ dựa trên luật pháp, vì tội lỗi là sự tự khẳng định và thói yêu bản thân, vốn được bảo vệ bởi luật dân sự. Thật vậy, khi con người vẫn còn bảo vệ trạng thái tội lỗi của mình, thì sự hiệp nhất hoàn toàn sẽ vẫn

chỉ là một giấc mơ viển vông không thể thực hiện được.

Tuy nhiên, việc này lại hoàn toàn có thể thông qua khái niệm về Giáo Hội. Đấng Kitô đã ban điều răn yêu thương nhau, nhưng điều răn đó thôi là không đủ. Như mọi đề xuất lý thuyết, nó không thể tạo ra bất cứ điều gì nếu như sức mạnh để thực hiện không được cung cấp. Nếu Kitô giáo chỉ giới hạn ở những giáo lý về tình yêu thì nó là vô dụng vì sức mạnh để thực hiện giáo lý này không có sẵn trong bản chất con người vốn đã bị bóp méo bởi tội lỗi. Lý trí thừa nhận rằng điều răn về tình yêu này là tốt, nhưng con người luôn gặp phải một luật khác trong mình, luật này chiến đấu chống lại luật của tâm trí và giam hãm con người trong luật của tội (Rôma 7:22-23). Tuy nhiên, công trình của Đấng Kitô không chỉ bị giới hạn ở các đề xuất lý thuyết, mà chính tại nơi đây, sức mạnh và ý nghĩa công trình của Ngài được bộc lộ.

Nhân loại được ban cho một sức mạnh mới và vì thế sự hiệp nhất mới của Giáo Hội trở nên khả thi với con người. Đó là một khởi đầu mới, một nguồn sống mới—Chúa Thánh Thần. Chính Đấng Kitô đã nói rằng ai không sinh ra bởi nước và Thần Khí thì không thể bước vào Vương quốc của Chúa (Gioan 3:3). Điều cần thiết là phải được “sinh ra từ Thần Khí” (Gioan 3:6, 8). Khi thánh Tông Đồ Phaolô nói về sự hiệp nhất của những người trong Giáo Hội, ông luôn nói về Chúa Thánh Thần là nguồn gốc của sự hiệp nhất này.

Đối với thánh Tông Đồ, Giáo Hội không chỉ là “một thân thể,” mà còn là “một Thần Khí duy nhất” (1 Cor. 12:11, 13; Eph. 4:3-4, 7). Ở đây chúng ta hiểu, không phải là sự đồng nhất về quan điểm hay sự hiệp nhất trong đức tin tôn giáo, như một số nhà tư tưởng phương Tây nghĩ, mà là một Thần Khí duy nhất của Chúa thâm nhập vào toàn bộ thân thể của Giáo Hội, như các thánh giáo phụ của Giáo Hội làm chứng.

Thánh Gioan Chrysostom hỏi: “Sự hiệp nhất của Thần Khí là

gì?” và ông trả lời, “Cũng như linh hồn trong thân thể điều khiển tất cả và truyền đạt một sự hiệp nhất nào đó cho sự đa dạng được phát sinh ra từ các bộ phận thân thể khác nhau, thì ở đây cũng như vậy. Thần Khí cũng được ban để hiệp nhất những người khác nhau về dòng dõi và cách họ suy nghĩ.” “Với những lời này (Một Thần Khí duy nhất) thánh (Tông Đồ) muốn gieo vào họ một sự đồng thuận với nhau, như thể nói rằng: vì các anh em đã nhận chung một Thần Khí và uống chung một Nguồn thì sự bất hòa không được xảy ra giữa các anh em.”

Chân phước Theodoret nói: “Tất cả các anh em đều được coi là xứng đáng với một Thần Khí chung; các anh em hợp thành một thân thể.” Chân phước Jerome mô tả: “Một thân thể theo nghĩa là thân thể của Đấng Kitô, tức là Giáo Hội; và một Chúa Thánh Thần, một Đấng phân phát và làm thánh hóa của tất cả.” Chân phước Theophylact người Bulgaria đã viết: “Cũng như linh hồn trong thân thể là nền tảng gắn kết và hiệp nhất mọi bộ phận cho dù chúng có khác biệt đến đâu, thì Chúa Thánh Thần ngự trong các tín cũng hiệp nhất họ lại với nhau cho dù họ không cùng quê quán, tính khí và hoài bão.”

Theo lời dạy của thánh Tông Đồ, toàn bộ đời sống Giáo Hội là một biểu hiện của Thần Khí của Chúa; mỗi một biểu hiện của tình yêu, mỗi một đức hạnh là một ơn của Thần Khí. Theo lời của Tông Đồ Phêrô, con người chỉ là “quản lý ân huệ thiên hình vạn trạng của Chúa” (1 Pet. 4:10). Thần Khí của Chúa đã, bằng quyền năng của Ngài, thâm nhập vào toàn bộ thân thể của Giáo Hội và ban cho mỗi thành viên các ơn thiêng liêng khác nhau, làm cho một sự sống mới trở nên khả thi với con người. Ngài hiệp nhất tất cả thành một thân thể, hiệp nhất bằng cách gieo vào trong trái tim con người một tình yêu thương, điều mà không thể tồn tại trong trạng thái tự nhiên của họ, không thể là nguyên tắc sống và là mối quan hệ với người khác.

Tình yêu thương là của Chúa—lời tuyên bố này của Tông Đồ Gioan có thể được coi là chủ đề chung của cả chuỗi các bài diễn thuyết của các Tông Đồ. Tình yêu được đặt danh hiệu là “của Chúa.” Tình yêu của Đấng Kitô thúc các thành viên của Giáo Hội (2 Cor. 5:14). Tình yêu là hoa quả của Thần Khí (Gal. 5:22). Tình yêu của Chúa được đổ vào trái tim chúng ta nhờ Thánh Thần mà Ngài ban cho chúng ta (Rôma 5:5). Chúa đã cứu chúng ta nhờ hành động làm mới của Thánh Thần, điều mà Ngài đổ đầy tràn xuống chúng ta, nhờ Đức Giêsu Kitô, Đấng cứu độ chúng ta. (Tít 3:5-6).

Vì vậy, Chúa Thánh Thần ngự trong Giáo Hội ban cho mỗi thành viên trong Giáo Hội sức mạnh để trở thành một con người mới với đời sống được dẫn dắt bởi tình yêu thương. Lời dạy của thánh Tông Đồ Phaolô về Giáo Hội là không thể tách rời khỏi lời dạy của ông về tình yêu thương như một nguyên tắc căn bản của đời sống Kitô hữu. Mỗi liên hệ này ít được chú ý bởi các nhà bình luận học thuật đương đại, nhưng các thánh giáo phụ của Giáo Hội đã chỉ ra điều này. Về việc các Tông Đồ so sánh Giáo Hội với thân thể, Chân phước Theodoret nói, “sự so sánh này là thích hợp trong việc giáo huấn về tình yêu thương.” Thánh Gioan Chrysostom, khi giải thích về một thân thể duy nhất, nói rằng, “Thánh Phaolô đòi hỏi trong chúng ta một tình yêu thương có thể gắn kết chúng ta lại với nhau, khiến chúng ta không thể tách rời, và có một sự hiệp nhất hoàn hảo đến mức chúng ta trở thành các chi thể của một thân thể. Chỉ có một tình yêu như vậy mới có thể tạo nên điều thiện lành vĩ đại.”

Khi đọc các thư tín của thánh Tông Đồ Phaolô, người ta có thể nhận thấy rằng ông thường nói về Giáo Hội và tình yêu thương song hành với nhau. Dĩ nhiên là vì cả hai ý tưởng này đều liên kết chặt chẽ với nhau trong chính hệ thống giáo huấn của thánh Phaolô. Toàn bộ đạo đức Kitô giáo của ông đều dựa trên lời dạy

giáo lý về Giáo Hội. Do đó, trong những chương cuối thư Rôma, Thánh Phaolô nói chi tiết về đạo đức Kitô giáo. Bài diễn thuyết này bắt đầu từ câu chín của chương mười hai, và trong năm câu trước đó (4-8), thánh Phaolô ngắn gọn trình bày lời dạy về Giáo Hội như một thân thể. Trong Thư thứ nhất gửi các tín hữu Côrinthô, ngay sau lời dạy về Giáo Hội trong chương mười hai là “Bài ca đức mến” (12:31-13:13). Một điều tương tự cũng có thể được nhận thấy trong các thư gửi cho các tín hữu Êphêsô và Côlôxê.

Vậy điều gì được rút ra sau tất cả những gì đã nói? Lời dạy của Đấng Kitô không chỉ là về sự tái tạo của một người riêng biệt có đạo đức, mà còn là về sự tái tạo của một xã hội hoàn hảo, tức là Giáo Hội. Thần Khí của Chúa, sống trong Giáo Hội, ban sức mạnh để thực hiện lời dạy Kitô giáo trong đời sống. Vì lời dạy này là lời dạy về tình yêu thương nên việc thực hiện nó sẽ tạo ra một cộng đồng, bởi vì tình yêu thương là nền tảng gắn kết chứ không phải là chia rẽ.

Khi ở bên ngoài Giáo Hội và khi không có Giáo Hội, đời sống Kitô hữu là không thể. Nếu không có Giáo Hội, giáo lý Kitô giáo chỉ là một âm vang trống rỗng, vì đời sống Kitô hữu chính là đời sống Giáo Hội. Chỉ ở trong đời sống Giáo Hội, một người mới có thể sống và phát triển. Trong một thân thể sống, các thành viên riêng lẻ không bao giờ lớn mạnh hay phát triển độc lập với nhau, mà luôn luôn chỉ phát triển khi được gắn kết với toàn bộ thân thể. Điều này cũng áp dụng cho Giáo Hội. Sự phát triển của Giáo Hội đồng thời là sự phát triển của các thành viên.

Trong các sách của Kinh Tân Ước, mục đích tồn tại của Giáo Hội được mặc khải là sự hoàn thiện về mặt đạo đức của bản chất con người. Theo Thánh Phaolô, các ơn thiêng liêng và tất cả các công việc phục vụ nói chung tồn tại trong Giáo Hội để hoàn thiện các thánh nhân, có nghĩa là cho sự tái sinh về mặt đạo đức của các Kitô hữu cho đến khi tất cả chúng ta đều đạt tới sự hiệp nhất

trong đức tin và trong sự nhận biết Con Thiên Chúa, Đấng trở thành người hoàn hảo, và cho đến khi chúng ta trưởng thành với tầm vóc viên mãn của Đấng Kitô (xem Eph. 4:13).

Đó là lý do tại sao Thánh Phaolô miêu tả quá trình mà qua đó nhân loại được tái sinh và đạt đến sự trưởng thành viên mãn của Đấng Kitô. Thay vì đi sâu vào phân tích văn bản Hy Lạp của Eph 4:16, chúng ta sẽ tập trung vào việc giải thích ý nghĩa mà Thánh Phaolô muốn truyền tải. Toàn bộ thân thể của Giáo Hội được hiệp nhất trong một sự hài hòa ngày càng phát triển thông qua việc nhận thấy những ơn phong phú của Chúa Thánh Thần hoạt động một cách đặc biệt trong mỗi thành viên. Do đó, thân thể của Giáo Hội đạt đến sự hoàn thiện trong tất cả các thành viên của Giáo Hội. Sự phát triển của toàn bộ thân thể Giáo Hội phụ thuộc vào mỗi thành viên cá nhân tuân theo luật yêu thương một cách thiêng liêng. Việc nhận thấy ơn của Chúa Thánh Thần chỉ có thể làm được thông qua tình yêu thương và trong sự hiệp nhất với Giáo Hội.

Đó là cách mà những lời đã được đề cập của Thánh Phaolô được hiểu bởi Thánh Gioan Chrysostom, Chân phước Theodoret, Thánh Gioan của Damascus, và Chân phước Theophylact. Những suy nghĩ của họ đã được tổng hợp lại bởi Giám mục Theophan Ẩn Sĩ với những lời sau: “Đức tin Kitô giáo hiệp nhất các tín hữu với Đấng Kitô và từ đó hợp thành một thân thể hài hòa từ những cá nhân riêng biệt. Đấng Kitô tạo dựng nên thân thể này bằng cách ban tặng chính bản thân Ngài cho mỗi thành viên và cung cấp cho họ Thần Khí Ân Sủng một cách hữu hiệu và rõ ràng. Vì thế, Thần Khí Ân Sủng ngự xuống trên từng thành viên và biến họ trở thành người mà họ nên là trong thân thể của Giáo Hội Đấng Kitô. Thân thể của Đấng Kitô được kết hợp hài hòa thông qua ơn của Thần Khí, tự xây dựng bản thân tùy theo mức độ mỗi thành viên chu toàn bốn phận hoặc hành động vì lợi ích của Giáo Hội trong

sự trọn vẹn của ân sủng đã nhận.”

Từ lời dạy của thánh Tông Đồ Phaolô và cách giải thích của các giáo phụ được trích dẫn trên, điều rõ ràng là theo Tân Ước, sự hoàn thiện của con người phụ thuộc vào việc họ có thuộc về Giáo Hội như một thực thể sống, phát triển thông qua những ảnh hưởng tích cực và phong phú của Chúa Thánh Thần. Nếu mỗi dây liên kết với thân thể của Giáo Hội bị cắt đứt thì con người sẽ bị cô lập và giam hãm trong cái tôi vị kỷ của mình, và họ sẽ bị tước mất sự ảnh hưởng tích cực và phong phú của Chúa Thánh Thần, Đấng ngự trong Giáo Hội.

“Trong thực tế, nếu như bàn tay bị cắt rời khỏi thân thể thì linh hồn từ não bộ, sau khi đã tìm kiếm sự tiếp nối và không thấy nó tại đó, cũng sẽ không tách rời khỏi thân thể và chuyển qua bàn tay bị cắt đứt. Nếu bàn tay không ở đó, nó sẽ không còn nhận bất kỳ sự liên lạc nào nữa. Điều tương tự cũng xảy ra ở đây nếu chúng ta không còn được gắn kết với nhau bằng tình yêu thương.” “Tất cả những gì đã tách khỏi nguồn sống, khi đã mất đi bản chất cứu rỗi, sẽ không thể sống và thở với một sự sống riêng biệt.” “Giống như tia nắng tách khỏi mặt trời—sự hiệp nhất của nó sẽ không cho phép nó tồn tại như một ánh sáng riêng biệt: bẻ một nhánh cây ra khỏi thân cây—phần bị bẻ sẽ mất đi khả năng phát triển; tách một dòng suối ra khỏi nguồn—phần tách ra sẽ bị khô cạn. Tương tự như vậy, Giáo Hội, được chiếu sáng bởi ánh sáng của Chúa, lan tỏa tia nắng của mình ra khắp thế gian; nhưng ánh sáng lan tỏa khắp nơi vẫn là một, và sự hiệp nhất của thân thể vẫn không bị chia rẽ. Giáo Hội dang rộng cành cây của mình, nặng trĩu trái quả, ra khắp mặt đất; dòng suối dồi dào của Giáo Hội chảy xa; và vẫn luôn như vậy, Người đứng đầu vẫn là Một. Một khởi đầu, một người mẹ, với muôn vàn hoa trái chín mọng.”

Trong những lời văn sống động và thi vị này, ý niệm được truyền đạt rõ ràng rằng một cá nhân riêng lẻ hoặc thậm chí một

cộng đồng Kitô hữu riêng biệt chỉ thực sự sống khi và chỉ khi nó sống cuộc đời của Đấng Kitô, và khi nó được hiệp nhất với Giáo Hội Toàn Thể. Khi đứng riêng lẻ hoặc bị giam cầm trong chính bản thân mình, một cá nhân hoặc thậm chí một giáo hội địa phương sẽ bị đặt vào cùng một vị trí như một tia nắng bị tách khỏi mặt trời, một dòng suối tách nguồn, hoặc một nhánh cây rời khỏi thân. Đời sống tâm linh chỉ có thể tồn tại trong sự hiệp nhất tự nhiên với Giáo Hội Toàn Thể; nếu sự hiệp nhất này bị phá vỡ, thì đời sống Kitô hữu sẽ bị khô cạn.

Chúng tôi hy vọng rằng điều này đã được làm rõ đủ rằng khái niệm về Giáo Hội có một ý nghĩa quan trọng trong lời dạy của Tân Ước.

Kitô giáo không đặt nặng việc giải thích mọi thứ bằng lý trí; mà chỉ chú trọng đến những điều hữu ích cho sự cứu rỗi của con người. Vì vậy, trong Kitô giáo, không có các tín điều nào là thuần túy lý thuyết. Các tín điều đều mang ý nghĩa đạo đức, và đạo đức Kitô giáo được xây dựng dựa trên nền tảng tín điều. Khái niệm về Giáo hội bao hàm điều này: Giáo Hội là điểm mà tín điều trở thành lời dạy đạo đức và tín điều Kitô giáo trở thành đời sống Kitô hữu. Hiểu được điều này, Giáo Hội mang lại sự sống và chu cấp cho việc thực hành giáo lý Kitô giáo. Không có Giáo Hội thì sẽ không có Kitô giáo, mà chỉ là giáo lý Kitô giáo, vốn tự nó không thể “tái tạo lại Adam sa ngã.”

Nếu bây giờ chúng ta chuyển từ giáo lý về Giáo Hội, vốn được mặc khải trong Kinh Tân Ước, sang các sự kiện trong lịch sử Kitô giáo, chúng ta sẽ thấy rằng đây chính xác là khái niệm căn bản của Kitô giáo, điều mà đã hình thành nên Giáo Hội. Trước tất cả mọi điều, các Kitô hữu đã ý thức được rằng mình là thành viên của Giáo Hội. Cộng đồng Kitô hữu tự gọi mình là “Giáo Hội” hơn là tất cả các tên gọi khác. Từ “Giáo Hội” (ekklisia) xuất hiện một trăm mười lần trong Kinh Tân Ước, trong khi các từ như ”Kitô

giáo” và các từ tương tự hoàn toàn không được biết đến trong Kinh Tân Ước. Sau khi Chúa Thánh Thần ngự lên các môn đệ và tông đồ của Đấng Kitô, Giáo Hội ra đời như một cộng đồng hữu hình với một sự kết nối tâm linh giữa các thành viên.

Tại thời điểm ban đầu, không có một hệ thống giáo lý toàn diện. Đức tin của Đấng Kitô được thiết lập dựa trên một vài tín điều tổng quát. Không có gì phải học trong Kitô giáo và sự thống nhất chung hiếm khi được kêu gọi trong bất kỳ mệnh đề trừu tượng nào. Vậy trở thành một Kitô hữu vào thời điểm đó có nghĩa là gì?

Trong thời đại của chúng ta, chúng ta nghe nhiều câu trả lời khác nhau như: “Trở thành một Kitô hữu có nghĩa là nhận ra lời dạy của Đấng Kitô, cố gắng thực hiện các điều răn của Ngài.” Điều này, tất nhiên, là câu trả lời tốt nhất trong số các câu trả lời như vậy. Tuy nhiên, các Kitô hữu thuở sơ khai trả lời câu hỏi này một cách hoàn toàn khác. Từ những trang đầu tiên của lịch sử, Kitô giáo xuất hiện trước chúng ta dưới hình thức một cộng đồng hài hòa và đồng nhất. Bên ngoài cộng đồng này là không có các Kitô hữu khác. Tin vào Đấng Kitô, trở thành một Kitô hữu—điều này có nghĩa là hiệp nhất với Giáo Hội. Điều này được bày tỏ nhiều lần trong sách Công Vụ Tông Đồ, nơi chúng ta đọc rằng Chúa hàng ngày thêm những người được cứu độ vào Giáo Hội (xem Công vụ 2:47; 5:13-14). Mỗi một tín đồ mới giống như một nhánh được ghép vào cây sự sống của Giáo Hội.

Đây là một ví dụ cụ thể hơn, minh họa chính xác sự gia nhập vào Giáo Hội. Ông Saolô, kẻ bắt bớ các tín đồ Chúa trước đây, người vốn hừng hực lửa thù hận và toan tính giết hại các môn đồ của Chúa, trải qua một cuộc hoán cải kỳ diệu trên đường đến Đamát, và trở thành một môn đồ của Đấng Kitô. Trước mắt chúng ta là một sự mặc khải đặc biệt của Chúa dành cho con người. Ở Đamát, Chúa gửi Khanania để làm phép rửa cho Saolô. Saolô sau

đó đi đến Giêrusalem để gia nhập với các môn đệ ở đó. Sau khi ông Banana thông báo cho các Tông Đồ về ông, “ông đã ở như một trong số họ.” Vì vậy, ngay cả vị Tông Đồ vĩ đại trong tương lai, được Chúa gọi là một lợi khí được chọn trong thị kiến của Khanania (Công Vụ Tông Đồ 9:15), ngay sau khi cải đạo đã hiệp nhất với Giáo Hội, một cộng đồng hữu hình. Đây là bằng chứng rõ ràng rằng Chúa không muốn biết các tội tó của Ngài bên ngoài Giáo Hội.

Rất dễ hiểu tại sao Thánh Tông Đồ Phaolô lại nói về Giáo Hội một cách kiên định như vậy trong các thư tín của ông: ông không tạo ra một lời dạy về Giáo Hội, vì trong sự cải đạo của mình, Phaolô biết chính xác về Giáo Hội này và không phải điều gì khác, vì ông đã gợi nhớ lại sau đó: “Anh em hẳn đã nghe nói tôi đã ăn ở thế nào trước kia trong đạo Do-thái: tôi đã quá hăng say bắt bớ, và những muốn tiêu diệt Giáo Hội của Chúa” (Gal. 1:13). Saolô không bắt bớ những người theo một lời dạy nào đó, mà cụ thể là Giáo Hội, như một giá trị đã được xác định, có thể nhận thấy được bởi ngay cả “người ngoài.”

Theo lời chứng của người biên soạn sách Công Vụ Tông Đồ, cộng đồng Kitô giáo đầu tiên gần như là hiện thực hoàn chỉnh của khái niệm về Giáo Hội. Chúng ta đọc trong sách Công Vụ Tông Đồ rằng các tín hữu “một lòng một ý” (Công Vụ Tông Đồ 4:32). Đáng chú ý rằng, vào thế kỷ thứ tư, khi tín điều về Chúa Ba Ngôi đang được giải thích, một số các thánh giáo phụ đã sử dụng hình ảnh của các Kitô hữu thời sơ khai để mô tả sự hiệp nhất của Chúa Ba Ngôi.

Sự phân định rõ ràng của cộng đồng Kitô giáo đầu tiên được minh chứng một cách tuyệt đẹp trong một câu từ sách Công Vụ mà dường như đã bị bỏ qua: “Không một ai khác dám nhập đoàn với họ. Nhưng dân thì lại ca tụng họ.” (Công Vụ Tông Đồ 5:13).

Như vậy, một mặt, việc cải đạo sang Kitô giáo được hiểu là sự

hiệp nhất với Giáo Hội, mặt khác, “không ai trong số những người không thuộc về họ dám nhập đoàn với họ.” Điều này rõ ràng rằng ngay từ thời điểm ban đầu, khi các môn đệ trực tiếp của Đấng Kitô còn sống, Kitô giáo đã là một xã hội hữu hình—Giáo Hội, bởi vì khi đó Kitô giáo không phải là lý thuyết, mà chính là sự sống.

Vâng, trong những thế kỷ đầu tiên, Giáo Hội đã đối lập với khái niệm trường phái. “Trường phái” gần như là một từ nguyên rủa đối với các Kitô hữu thời sơ khai. “Trường phái” là tên gọi của các cộng đồng dị giáo đã tách ra khỏi Giáo Hội, như có thể thấy từ các tác phẩm của Thánh Irenaeus của Lyon và Hippolytus của Rome. Sử dụng tên gọi này, họ nhấn mạnh quan điểm của họ rằng bên ngoài Giáo Hội không hề có đời sống Kitô hữu, mà chỉ có chỗ cho trường phái của chủ nghĩa duy lý, cho triết học kinh viện.

Chúng ta thậm chí có thể đưa ra bằng chứng bên ngoài Giáo Hội. Ai cũng biết rằng những người Kháng Cách đã xuyên tạc ý tưởng về Giáo Hội, rao giảng một giáo lý nào đó về một Giáo Hội “vô hình”. Giáo lý này mơ hồ, tối nghĩa và không rõ ràng đến mức một nhà thần học Lutheran, trong một báo cáo chính thức tại Diet tại Speyer vào năm 1875, đã tuyên bố: “Giáo lý Kháng Cách của chúng ta về Giáo Hội vẫn còn quá mơ hồ và không nhất quán, đến mức nó có thể được gọi là gót chân Achilles của Phong Trào Kháng Cách.” Tuy nhiên, những người Kháng Cách thường cố gắng gán giáo lý về Giáo Hội của họ cho Kitô giáo thời kỳ đầu tiên. Một số học giả Kháng Cách kiên quyết tuyên bố rằng nền tảng của Giáo Hội hữu hình trái ngược với Tin Mừng của Kitô giáo và đã xuyên tạc nó. Đó là quan điểm của Rudolf Sohm.

Tuy nhiên, gần đây, ngay cả trong các nghiên cứu Kháng Cách, không còn những tuyên bố quyết đoán như vậy về Giáo Hội của những thế kỷ đầu tiên. Học thuật xa lạ với Giáo Hội cũng dần nhận ra sự thật rằng Giáo Hội và Kitô giáo là những khái niệm đồng nhất và hoàn toàn không thể tách rời nhau ngay từ thuở ban

đầu.

Cuối cùng, chúng ta sẽ bỏ lỡ một điểm quan trọng nếu không trích dẫn vài nhận định của các tác giả thời xưa của Giáo Hội về vấn đề này. Chúng ta sẽ dừng lại ở quan điểm của chỉ hai tác giả đã lao động nhiều trong sự hiểu biết của tín điều về Giáo Hội—Thánh Cyprian và Chân phước Augustine.

III. Để trở thành Kitô hữu nghĩa là thuộc về Giáo Hội

Theo lời của Thánh Cyprian, trở thành Kitô hữu nghĩa là thuộc về Giáo Hội hữu hình và tuân phục hệ thống cấp bậc mà Chúa đã sắp đặt trong đó. Giáo Hội là sự hiện thực hóa tình yêu thương của Đấng Kitô và bất kỳ sự tách rời nào khỏi Giáo Hội đều là điều xúc phạm đến tình yêu này, trong đó cả những kẻ dị giáo và ly giáo đều mắc tội như nhau. Đây là khái niệm cơ bản của bài luận thuyết “Về Sự Hiệp Nhất của Giáo Hội Công Giáo” của ông.

Ý niệm này cũng được lặp lại liên tục trong các lá thư của cùng một thánh giáo phụ. “Đấng Kitô đã ban cho chúng ta hòa bình; Ngài truyền lệnh cho chúng ta phải hòa thuận và đồng lòng; Ngài truyền lệnh rằng chúng ta phải gìn giữ, một cách bất khả xâm phạm và vững chắc, mối liên kết tình cảm và tình yêu. Ai xúc phạm đến tình yêu của Đấng Kitô bằng sự bất đồng thiếu lòng tin sẽ không còn thuộc về Đấng Kitô nữa: người nào không sở hữu tình yêu thương này cũng sẽ không sở hữu Chúa. Những ai không muốn đồng lòng trong Giáo Hội của Chúa không thể ở lại với Chúa.”

Những kẻ dị giáo và ly giáo không hề có tình yêu thương này, vốn là đức tính căn bản của Kitô giáo, và do đó, họ chỉ là Kitô hữu trên danh nghĩa. “Những kẻ dị giáo và ly giáo không giữ được sự

hiệp nhất của Giáo Hội cũng như tình anh em.” “Họ hành động chống lại tình yêu của Đấng Kitô.” “Marcian, người đã gia nhập với Novatian, đã trở thành kẻ thù của lòng bác ái và tình yêu.” “Người ta biết rằng những kẻ dị giáo đã chệch hướng ra khỏi tình yêu và sự hiệp nhất của Giáo Hội Toàn Thể.” “Sự hiệp nhất nào được duy trì, tình yêu nào được giữ gìn hay tình yêu nào được mơ ước bởi một kẻ buông mình theo những cơn bất đồng, chia rẽ Giáo Hội, hủy hoại đức tin, gây rối loạn sự bình an, xóa bỏ tình yêu thương và xúc phạm đến các nhiệm tích?”

Thánh Cyprian thậm chí còn bày tỏ tư tưởng dứt khoát rằng, không chỉ không thể có đời sống Kitô hữu bên ngoài Giáo Hội, mà cũng không thể có giáo lý Kitô giáo nữa. Đức tin thuần khiết chỉ tồn tại trong Giáo Hội. Thánh Cyprian còn gọi Giáo Hội bằng tên “Sự Thật” và dạy rằng sự hiệp nhất của đức tin không thể tách rời khỏi sự hiệp nhất của Giáo Hội, vì sự thật là một cũng như Giáo Hội là một.

Ai không gắn bó với sự hiệp nhất của Giáo Hội không thể nghĩ rằng mình đang giữ gìn đức tin. Bất kỳ sự tách rời nào ra khỏi Giáo Hội đều chắc chắn liên quan đến sự bóp méo của đức tin. “Kẻ thù đã bày ra các dị giáo và ly giáo để lật đổ đức tin, bóp méo sự thật, và phá vỡ sự hiệp nhất. Các tội tó của hấn tuyên bố sự phản bội dưới vỏ bọc đức tin, rao giảng kẻ phản Kitô dưới danh nghĩa Đấng Kitô, và che giấu sự dối trá bằng sự công chính giả tạo, âm thầm và xảo quyệt phá hoại sự thật.”

“Cũng như quỷ Satan không phải là Đấng Kitô cho dù hấn lừa dối dưới danh nghĩa của Ngài, một người không thể là Kitô hữu nếu anh ta không tuân thủ sự thật trong Tin Mừng và đức tin của Ngài.” “Một kẻ dị giáo làm chia rẽ Giáo Hội và hủy hoại đức tin ... hấn tự mình chống lại Giáo Hội. Về đức tin, hấn là kẻ phản bội; về lòng mộ đạo, hấn là kẻ ô uế, một tội tó ngang bướng, một đứa con bất trị, một người anh em thù địch.”

Nếu chúng ta xem xét đức tin của những tín hữu bên ngoài Giáo Hội, chúng ta sẽ thấy rằng tất cả các kẻ dị giáo đều có một đức tin hoàn toàn khác biệt; thực tế là họ chỉ có một sự cuồng tín hoang dại, sự báng bổ và một sự suy đồi đấu tranh chống lại sự thánh khiết và sự thật.” Theo Thánh Cyprian, việc ở ngoài Giáo Hội nhưng vẫn là Kitô hữu là điều không thể, vì đứng ngoài Giáo Hội là đứng ngoài trại của Đấng Kitô.

Những người tự tách ra khỏi Giáo Hội và những người chống lại Giáo Hội là những kẻ phản Kitô và là ngoại đạo. Ví dụ, đây là những gì Thánh Cyprian viết cho Antonius về Novatian: “Anh đã mong muốn, người anh em yêu mến nhất, rằng tôi viết cho anh về Novatian, về dị giáo mà hấn đã đề xuất. Trước hết, hãy biết rằng, chúng ta không nên tò mò về những gì hấn giảng dạy khi hấn đang giảng dạy bên ngoài Giáo Hội.” “Dù hấn là ai hay là gì, hấn không phải là Kitô hữu ngay khi hấn không ở trong Giáo Hội của Đấng Kitô.” “Làm sao ai có thể ở cùng với Đấng Kitô nếu người đó không ngự trong Hiến Thê của Đấng Kitô, nếu người đó không được tìm thấy trong Giáo Hội của Ngài?”

Cuối cùng, trong bài luận thuyết “Về sự Hiệp nhất của Giáo Hội Công giáo,” chúng ta thấy những lời nổi tiếng, “Ai không xem Giáo Hội là mẹ thì không thể có Chúa là Cha.” Thánh Cyprian hoàn toàn từ chối danh xưng “Kitô hữu” cho tất cả những ai đứng ngoài Giáo Hội, như thể lặp lại lời tuyên bố quyết liệt của thầy mình là Tertullian: “haeretici christiani esse non possunt!”—những kẻ dị giáo không thể là Kitô hữu!

Do đó, chúng ta có thể hiểu yêu cầu của Thánh Cyprian rằng ngay cả những người Novatians, chỉ là những kẻ ly giáo, cũng phải được tái tẩy rửa khi được tiếp nhận vào Giáo Hội. Đối với Thánh Cyprian, phép tẩy rửa cho những kẻ ly giáo khi được tiếp nhận vào Giáo Hội không phải là phép tái tẩy rửa, mà chính xác là phép tẩy rửa. “Chúng tôi khẳng định,” ông viết cho Quintus,

“rằng chúng tôi không tái tẩy rửa những người đến từ đó, mà là tẩy rửa; vì họ không nhận được gì ở nơi không có gì.” Ông thêm rằng phép tẩy rửa ngoài Giáo Hội chỉ là “một sự dầm mình trống rỗng và không trong sạch.” “Ở đó, người ta không được tẩy sạch, mà chỉ bị làm ô uế thêm; tội lỗi không được tẩy xóa, mà chỉ nhân đôi thêm. Một sự ra đời như vậy chỉ đưa con cái đến với ma quỷ chứ không phải với Chúa.”

Niềm tin chắc chắn của Thánh Cyprian về sự vô hiệu của bất kỳ lễ tẩy rửa nào bên ngoài Giáo Hội, và về sự cần thiết phải thực hiện lễ tẩy rửa lại cho những người cải đạo vào Giáo Hội, đã được xác nhận bởi một công đồng địa phương của Giáo Hội tổ chức tại Carthage vào năm 256 A.D. với chính Thánh Cyprian chủ trì. Trong bài phát biểu kết thúc, để tổng kết các quyết định của công đồng, Thánh Cyprian nói: “Những kẻ dị giáo phải được tẩy rửa bởi một phép tẩy rửa chỉ của Giáo Hội để họ có thể chuyển từ kẻ thù thành bạn và từ kẻ phản Kitô thành Kitô hữu.”

Những quan điểm trên của Thánh Cyprian, điều mà rõ ràng toàn bộ Công Đồng Carthaginian đều đồng thuận vào thế kỷ thứ ba, chứng tỏ một cách rõ ràng và sâu sắc rằng Giáo Hội hoàn toàn hiệp nhất với Kitô giáo và ngược lại.

Không phải tất cả các quan điểm của Thánh Cyprian đều được Giáo Hội hoàn toàn chấp nhận. Đặc biệt, lời dạy của ông về sự cần thiết phải tái tẩy rửa ngay cả những kẻ ly giáo khi họ cải đạo về Giáo Hội đã được điều chỉnh. Về điểm này, quan điểm của Chân phước Augustine có phần khác biệt, mặc dù quan điểm của ông về mối quan hệ giữa Kitô giáo và Giáo Hội vẫn hoàn toàn giống nhau.

Chân phước Augustine cho rằng giáo lý Kitô giáo, cho dù được hiểu một cách lý thuyết, vẫn có thể được gìn giữ bên ngoài Giáo Hội. Sự thật vẫn là sự thật ngay cả khi kẻ ác diễn đạt nó. Vì ngay cả quỷ dữ cũng thú nhận Đấng Kitô cũng như Tông đồ Phêrô đã

làm. Vàng chắc chắn là tốt và vẫn là vàng ngay cả khi bị một tên trộm cướp đi, mặc dù nó sẽ phục vụ cho những mục đích khác nhau đối với kẻ trộm. Đấng Kitô từng nói với các môn đồ rằng, “ai không chống lại chúng ta là ủng hộ chúng ta” (Luca 9:50). Từ điều này, người ta kết luận rằng người đứng ngoài Giáo Hội về một số mặt không chống lại Giáo Hội và có một phần tài sản của Giáo Hội. Tuy nhiên, người Athens “kính thần vô danh” (Công vụ 17:23) và Tông đồ Giacôbê đã làm chứng rằng ngay cả các quý dữ cũng tin (Giacôbê 2:19), và tất nhiên, những người đó và ma quỷ đều đứng ngoài Giáo Hội. Trong các bài viết của ông chống lại những người Donatist, Chân phước Augustine lập luận chi tiết về sự hợp lệ của phép tẩy rửa của kẻ ly giáo. Tuy nhiên, nếu có thể bảo tồn giáo lý đúng đắn bên ngoài Giáo Hội và nếu ngay cả các nhiệm tích thực hiện tách biệt khỏi Giáo Hội cũng hợp lệ, thì liệu Giáo Hội có thực sự cần thiết không? Liệu sự cứu rỗi có thực sự không thể xảy ra bên ngoài Giáo Hội? Chẳng lẽ Chân phước Augustine không phân biệt giữa Kitô giáo và Giáo Hội? Tất cả những câu hỏi này đều nhận được câu trả lời phủ định trong giáo huấn của Chân phước Augustine. Ông cho rằng đời sống Kitô giáo, vốn là con đường đến sự cứu rỗi, chỉ thuộc về Giáo Hội. Ngoài Giáo Hội, đời sống này không thể tồn tại.

Tất cả các tài sản của Giáo Hội mà những người đã tách khỏi Giáo Hội sở hữu đều không hề mang lại cho họ lợi ích gì, mà chỉ có tác hại. Tại sao lại như vậy? Vì, Chân phước Augustine trả lời, tất cả những ai đã tách khỏi Giáo Hội đều không sở hữu tình yêu. Đấng Kitô đã ban cho một dấu hiệu để nhận ra các môn đệ của Ngài. Dấu hiệu này không phải là giáo lý Kitô giáo, thậm chí không phải là các nhiệm tích, mà chỉ là tình yêu. Vì vậy, Ngài nói với các môn đồ của mình, “Mọi người sẽ nhận biết anh em là môn đệ của Thầy ở điểm này: là anh em có lòng yêu thương nhau” (Gioan 13:35). Các Nhiệm tích sẽ không thể cứu rỗi nếu người

nhận chúng không có tình yêu. Thánh Tông Đồ nói: “Nếu tôi biết tất cả các điều huyền nhiệm (nhiệm tích) mà không có tình yêu, tôi chẳng là gì.” Ngay cả Caiaphas cũng đã tiên tri, nhưng hắn bị lên án. Hành động tách khỏi Giáo Hội tự nó là tội lớn nhất, chúng tỏ rằng những kẻ ly giáo không hề có tình yêu. Người nào được tái sinh trong phép tẩy rửa, nhưng lại không hiệp nhất với Giáo Hội, sẽ không nhận được ơn ích gì từ phép tẩy rửa vì người đó không có tình yêu; phép tẩy rửa chỉ có lợi khi anh ta hiệp nhất với Giáo Hội. Ân sủng của phép tẩy rửa không thể tẩy sạch tội lỗi của người không thuộc về Giáo Hội; hành động của phép tẩy rửa như bị tê liệt bởi sự cứng đầu của trái tim ly giáo trong sự tà độc của ly giáo. Vì người nhận phép tẩy rửa bên ngoài Giáo Hội bộc lộ sự tội lỗi và thiếu vắng tình yêu ngay sau khi được tẩy rửa bằng cách bước vào bóng tối của ly giáo, các tội lỗi sẽ mau chóng quay lại với người đó. Việc các tội lỗi đã được tha thứ quay trở lại khi không có tình yêu huynh đệ được Chúa chỉ rõ khi Ngài nói về người đầy tớ khi được tôn chủ tha cho mười ngàn yển vàng. Khi người đầy tớ này không thương xót người đồng bạn nợ hẳn chỉ có một trăm quan tiền, tôn chủ đòi lại tất cả những gì đã được tha. Cũng giống như người đầy tớ đã nhận được sự tha thứ tạm thời, người được tẩy rửa bên ngoài Giáo Hội cũng sẽ được giải thoát khỏi tội lỗi của mình tạm thời. Tuy nhiên, vì anh ta vẫn ở ngoài Giáo Hội ngay cả sau khi nhận phép tẩy rửa, tất cả các tội lỗi mà anh đã phạm trước khi tẩy rửa sẽ quay trở lại với anh ấy một lần nữa. Tội lỗi của anh ta chỉ được tha thứ khi anh, thông qua tình yêu thương, hiệp nhất với Giáo Hội.

Những kẻ ly giáo bị tước đoạt hy vọng cứu rỗi không chỉ vì phép tẩy rửa của họ không hợp lệ, mà còn vì họ ở ngoài Giáo Hội và trong sự thù địch với Giáo Hội. Ân sủng của Chúa Thánh Thần chỉ có thể được nhận và bảo tồn bởi những người đã được hiệp nhất trong tình yêu với Giáo Hội. Người đã tách khỏi Giáo Hội sẽ

không có tình yêu. Ai không yêu sự hiệp nhất của Giáo Hội thì sẽ không có tình yêu của Chúa, thật là vô ích khi người ấy tuyên bố rằng anh ta có tình yêu của Đấng Kitô. Tình yêu chỉ có thể được bảo tồn khi có sự hiệp nhất với Giáo Hội, bởi vì Chúa Thánh Thần chỉ làm cho thân thể của Giáo Hội được hồi sinh. Không có lý do nào là hợp pháp và đủ để có thể tách khỏi Giáo Hội; người nào tách khỏi Giáo Hội sẽ không có Thần Khí, cũng như một chi thể bị cắt rời khỏi thân thể sẽ không có linh hồn sự sống, mặc dù nó vẫn giữ được hình hài cũ trong một khoảng thời gian. Do đó, tất cả những ai tách khỏi Giáo Hội đều chống lại Giáo Hội, họ không thể là người tốt; mặc dù hành động của họ có vẻ đáng khen ngợi—chính sự tách ra khỏi Giáo Hội làm cho họ trở nên xấu xa.

Do đó, theo giáo lý của Chân phước Augustine, Giáo Hội là một khái niệm hẹp hơn Kitô giáo, vốn chỉ được hiểu theo nghĩa của những luận đề trừu tượng. Một người có thể đồng ý với các luận đề trừu tượng này khi vẫn đang ở ngoài Giáo Hội; nhưng để hiệp nhất với Giáo Hội, sự đồng lòng là không thể thiếu (*consensio voluntatum*). Điều này rõ ràng là nếu không có yếu tố thứ hai, thì việc chỉ đơn thuần đồng ý với giáo lý Kitô giáo một cách trừu tượng là hoàn toàn vô ích và bên ngoài Giáo Hội không hề có sự cứu rỗi.

Quan điểm của Thánh Cyprian và Chân phước Augustine có thể có phần khác biệt, nhưng cả hai đều đi đến kết luận hoàn toàn giống nhau: bên ngoài Giáo Hội không hề có sự cứu rỗi! Con người được cứu rỗi bởi tình yêu của họ, vốn là Ân sủng của Tân Ước. Ngoài Giáo Hội, một người không thể giữ được tình yêu vì anh ta không thể nhận được Thần Khí.

Chúng ta đã thấy điều gì trong những ví dụ đại diện trên về suy nghĩ của Giáo Hội từ thế kỷ thứ ba đến thế kỷ thứ năm? Chúng ta thấy rằng chúng trùng khớp với những kết luận mà chúng ta

đã đạt được trước đó khi xem xét giáo lý Tân Ước về Giáo Hội, cũng như các sự kiện của Kitô giáo sơ khai. Kitô giáo và Giáo Hội chỉ là một khi chúng ta không coi Kitô giáo chỉ là một tập hợp các luận đề trừu tượng, không yêu cầu ai phải làm bất cứ việc gì. Cách hiểu Kitô giáo như thế chỉ có thể gọi là của ma quỷ.

Điều này có nghĩa là những Kitô hữu ở ngoài Giáo Hội cũng thừa nhận theo cách của ma quỷ, những kẻ cũng tin và run rẩy. Liệu biết về giáo lý có thực sự đồng nghĩa với việc trở thành một Kitô hữu chân chính? Một người đầy tớ biết ý chủ và không thực hiện, sẽ bị đuổi việc và bị chối bỏ; điều đó là hoàn toàn xứng đáng.

“Kitô giáo không nằm ở niềm tin thầm lặng, mà nằm ở sự vĩ đại của hành động,” Thánh Ignatius nói.

Không, Đấng Kitô không chỉ là một người thầy vĩ đại; Ngài là Đấng Cứu Thế của thế gian, Đấng đã ban cho nhân loại sức mạnh mới, Đấng đã đổi mới nhân loại. Chúng ta không chỉ nhận được giáo lý từ Đấng Kitô Cứu Thế của chúng ta, mà còn nhận cả sự sống. Nếu người ta hiểu Kitô giáo như một sự sống mới, không phải dựa trên các yếu tố của thế gian vốn chỉ biết đến các nguyên tắc của tính vị kỷ và lòng tự ái, mà dựa trên Đấng Kitô với giáo lý và gương của Ngài về sự hy sinh bản thân và tình yêu thương, Kitô giáo sẽ nhất thiết đồng nhất hoàn toàn với Giáo Hội. Trở thành một Kitô hữu nghĩa là thuộc về Giáo Hội, vì Kitô giáo chính là Giáo Hội. Bên ngoài Giáo Hội không có sự sống và không thể có.

Cuối cùng, để hiểu được tầm quan trọng của khái niệm Giáo Hội, chỉ cần nhìn kỹ vào Biểu Tượng Đức Tin (Kinh Tin Kính), bởi vì các điều khoản khác nhau đã được đưa vào Biểu Tượng Đức Tin sau sự xuất hiện của những kẻ dị giáo, những kẻ đã bóp méo một hoặc nhiều chân lý. Do đó về mặt tổng thể, Biểu Tượng Đức Tin có thể được coi là mang tính tranh luận. Lịch sử của nó cho thấy nội dung của nó được mở rộng thêm như là kết quả của cuộc

đấu tranh chống lại các dị giáo khác nhau.

Tuy nhiên, điều này không đúng với điều khoản thứ chín, liên quan đến Giáo Hội. Điều khoản này đã có trong Biểu Tượng Đức Tin ngay từ thuở ban đầu. Nó được giới thiệu độc lập với sự xuất hiện của bất kỳ loại giáo lý sai lầm nào. Vào thời điểm đó, vẫn chưa có người Kháng Cách nào mơ tưởng về một loại Kitô giáo không Giáo Hội.

Rõ ràng ngay từ ban đầu, khái niệm Giáo hội đã là nền tảng của niềm tin Kitô giáo và chân lý này, rằng Kitô giáo chính là Giáo Hội, có thể được coi là đã được ban từ chính Chúa Giêsu Kitô.

Khi đã đạt đến mức nhận thức về Giáo Hội như vậy, việc nhìn nhận cuộc sống đương đại, các xu hướng và quan điểm đang phổ biến trong đó và đưa ra sự đánh giá từ góc nhìn của Giáo hội sẽ là vô cùng hữu ích.

IV. Sự Xuyên Tạc Giáo Hội bằng Kitô giáo

Tôi tin vào một Giáo Hội Duy Nhất, Thánh Thiện, Công Giáo và Tông Truyền.” Như vậy, mỗi Kitô hữu Chính thống giáo đều tuyên xưng đức tin của mình vào chân lý lớn lao của Giáo Hội. Tuy nhiên, khó có thể chỉ ra điều khoản nào khác trong Biểu Tượng Đức Tin mà khó có thể hiểu bởi trái tim, nếu chỉ đọc ở trên môi, hơn điều khoản thứ chín, diễn đạt chân lý về Giáo Hội. Điều này có thể hiểu được phần nào: bởi trong điều khoản thứ chín của Biểu Tượng Đức Tin, con người tuyên xưng mối liên kết của mình với một cộng đồng hữu hình của những người theo Đấng Kitô. Thông qua đó, với những lời tuyên xưng ngắn gọn, tín hữu đồng ý với tất cả những chân lý được Giáo Hội truyền dạy, vốn được công nhận là nơi bảo vệ giáo lý của Đấng Kitô. Về mặt thực tế, sự chấp thuận được đưa ra một lần duy nhất và vĩnh viễn, nhằm tuân phục tất cả những luật lệ mà Giáo Hội

dựa vào để hoàn thành sứ mệnh tồn tại của mình, đồng thời để điều hành Giáo Hội như một xã hội sống động trên thế gian. Do đó, có vẻ như chúng ta sẽ không sai lầm khi diễn đạt suy nghĩ rằng chân lý về Giáo Hội, đứng trên tất cả các chân lý khác, chạm đến chính đời sống của mỗi Kitô hữu, không chỉ định hình đức tin của họ mà còn cả đời sống của họ. Việc chấp nhận Giáo Hội mang nhiều ý nghĩa hơn là việc chỉ mơ tưởng về Đấng Kitô. Nó có nghĩa là sống theo Kitô giáo và bước theo con đường tình yêu thương và sự chối bỏ bản thân. Chân lý về Giáo Hội, vì thế, trái ngược với những nguyên tắc sống vốn đã len lỏi vào ý thức và thái độ của cộng đồng tôn giáo Nga, mặc dù phần lớn, tất nhiên, là trong giới được gọi là trí thức.

Trong những thời kỳ đau buồn của Giáo Hội trong triều đại Peter I, tầng lớp thượng lưu của xã hội Nga đã rời xa đời sống Giáo Hội của người dân và bắt đầu sống một cuộc sống chung với tất cả các người châu Âu khác, hơn là với người Nga. Dưới sự ảnh hưởng của phương Tây trong tất cả các lĩnh vực của cuộc sống, xã hội Nga không thể tránh khỏi sự ảnh hưởng của các giáo phái phương Tây lên sự hình thành các quan điểm tôn giáo của mình. Những giáo phái này được gọi, với một lý do chính đáng, là “dị giáo chống lại giáo lý và bản chất của Giáo Hội và chống lại niềm tin của Giáo Hội Chính Thống và quê hương, A. S. Khomiakov. Ông ấy không sai khi coi việc chối bỏ Giáo Hội là đặc điểm nổi bật nhất của cả Công giáo La Mã và chủ nghĩa Kháng Cách.

Chân lý về Giáo Hội đã bị bóp méo rất nhiều ở phương Tây sau khi Rome tách ra khỏi Giáo Hội. Ở phương Tây, vương quốc của Chúa đang dần được xem như là một vương quốc trần gian. Tư tưởng Latinh đã làm mờ đi khái niệm Kitô giáo về Giáo Hội trong ý thức của các thành viên với sự giải thích một cách pháp lý của những việc thiện, mối quan hệ vụ lợi với Chúa, và sự xuyên

tạc về sự cứu rỗi.

Tư tưởng Latinh đã sinh ra một đứa con hợp pháp, dù rất ngổ ngược, đó là chủ nghĩa Kháng Cách (Tin Lành). Chủ nghĩa Kháng Cách được sinh ra từ nền tảng của chủ nghĩa nhân văn, vốn không phải là một hiện tượng tôn giáo; ngược lại, tất cả các ý tưởng chủ đạo của nó đều hoàn toàn thuộc về thế gian này, tức là của con người. Chủ nghĩa nhân văn tạo ra một sự tôn trọng đối với con người trong trạng thái tự nhiên của họ. Chủ nghĩa Kháng Cách, mang cơ sở của chủ nghĩa nhân văn vào lĩnh vực tôn giáo, không phải là một sự phản kháng của ý thức Kitô giáo nguyên thủy chân chính chống lại những hình thức và chuẩn mực được tư tưởng Giáo Hoàng (Papism) tạo ra từ thời trung cổ, như các nhà thần học Kháng Cách thường hay tuyên bố. Hoàn toàn không phải vậy; chủ nghĩa Kháng Cách là một sự phản kháng nằm trên cùng một phương diện. Nó không tái lập Kitô giáo nguyên thủy, nó chỉ thay thế một sự bóp méo Kitô giáo này bằng một sự bóp méo khác, và sai lầm mới này còn tệ hơn sai lầm trước. Chủ nghĩa Kháng Cách trở thành tiếng nói cuối cùng của tư tưởng Giáo Hoàng, và đưa nó đến kết luận logic của nó.

Chân lý và sự cứu rỗi được ban tặng cho tình yêu thương, tức là Giáo Hội—đó là ý thức của Giáo Hội. Tư tưởng Latinh, sau khi đã tách khỏi Giáo Hội, đã thay đổi ý thức này và tuyên bố: chân lý được ban cho từng cá nhân riêng lẻ của Giáo Hoàng, và Giáo Hoàng quản lý sự cứu rỗi của tất cả. Chủ nghĩa Kháng Cách chỉ phản đối: tại sao chân lý chỉ được ban cho Giáo Hoàng?—và rằng: chân lý và sự cứu rỗi mở ra cho từng cá nhân riêng lẻ, độc lập với Giáo Hội. Mỗi cá nhân do đó được nâng lên ngang hàng với Giáo Hoàng bất khả ngộ. Chủ nghĩa Kháng Cách đặt chiếc vương miện giáo hoàng lên mỗi giáo sư người Đức và, với vô số giáo hoàng của mình, hoàn toàn phá hủy khái niệm về Giáo Hội, thay thế đức tin bằng lý trí của từng cá nhân riêng lẻ. Nó thay thế sự cứu rỗi

trong Giáo Hội bằng một niềm tin mơ mộng vào sự cứu rỗi qua Đấng Kitô trong sự cô lập vị kỷ ra khỏi Giáo Hội. Tất nhiên, trên thực tế, ngay từ đầu, chủ nghĩa Kháng Cách đã đi chệch hướng và, qua những con đường vòng vo, “lén lút” đưa vào một số giáo điều về Giáo Hội, công nhận một số thẩm quyền, mặc dù chỉ trong lĩnh vực giáo điều. Là một tôn giáo vô chính phủ, chủ nghĩa Kháng Cách thuần túy, cũng như tất cả các chế độ vô chính phủ khác, hóa ra là hoàn toàn không thể tồn tại, và qua đó, đã chứng minh cho chúng ta về chân lý không thể chối cãi rằng linh hồn con người vốn dĩ đã có khuynh hướng hướng về Giáo Hội.

Tuy nhiên, khía cạnh tư tưởng của chủ nghĩa Kháng Cách đã thu hút lòng tự ái và ý chí cứng đầu (self-will) của con người dưới mọi hình thức, vì lòng tự ái và ý chí cứng đầu được nhận một dạng thánh hóa và phước lành từ chủ nghĩa Kháng Cách. Ngày nay, sự thật này có thể thấy trong sự chia rẽ vô tận và tư tưởng bè phái của chính chủ nghĩa Kháng Cách. Chính chủ nghĩa Kháng Cách đã công khai tuyên bố lời nói dối lớn nhất: rằng một người có thể là Kitô hữu khi vẫn chối bỏ Giáo Hội. Tuy nhiên, bằng cách ràng buộc các thành viên của mình bằng một số quyền hạn và luật lệ giáo hội, chủ nghĩa Kháng Cách tự mâu thuẫn chính mình trong vô vọng: sau khi tự mình tách biệt từng cá nhân ra khỏi Giáo Hội, nó vẫn đặt ra giới hạn cho sự tự do đó. Tại đây nảy sinh ra sự nổi loạn liên tục của những người Kháng Cách chống lại những tàn dư ít ỏi và đáng thương của ý thức Giáo Hội vốn vẫn được các đại diện chính thức của các giáo phái họ bảo tồn.

Có thể dễ dàng hiểu rằng chủ nghĩa Kháng Cách phù hợp với một quan điểm gần như hoàn toàn là ngoại giáo, vốn được chấp nhận rộng rãi ở phương Tây. Tại đây, nơi mà việc sùng bái chủ nghĩa cá nhân nở rộ, xuất hiện các nhà tiên tri theo triết lý thời thượng và các ca sĩ trong văn chương, lý tưởng về Giáo Hội của Đấng Kitô tất nhiên không thể có chỗ đứng; vì nó phủ nhận lòng

tự ái và ý chí cứng đầu trong con người và đòi hỏi tình yêu thương từ họ.

Có một tác động trực tiếp của chủ nghĩa Kháng Cách lên xã hội Nga đương đại của chúng ta. Tất cả các giáo phái duy lý của Nga đều có nguồn gốc tư tưởng từ chủ nghĩa Kháng Cách, nơi nó trực tiếp bắt nguồn. Rốt cuộc, tất cả các nhà truyền giáo thuộc các giáo phái này đến từ đâu nếu không phải là từ các quốc gia theo chủ nghĩa Kháng Cách? Tất cả những điểm khác biệt giữa những giáo phái này và Giáo Hội Chính Thống giáo đều xuất phát từ việc chối bỏ Giáo Hội trên danh nghĩa của một loại “Kitô giáo Phúc Âm” tưởng tượng.

Ngay cả khi không liên quan tới chủ nghĩa Kháng Cách, nhiều người giờ đây cũng bắt đầu chối bỏ Giáo Hội và, nhìn chung, đồng hóa quan điểm châu Âu phương Tây vốn đã phát triển bên ngoài Giáo Hội và hoàn toàn xa lạ và thậm chí thù địch với linh hồn Giáo Hội.

Ngày càng có nhiều tư tưởng tự yêu bản thân kiêu ngạo của Tây Âu thâm nhập vào cộng đồng của chúng ta. Nếu như trước đây, văn học Nga dạy về tình yêu thương và sự tái sinh đạo đức, đặc biệt là trong các tác phẩm của Dostoevsky vĩ đại, thì trong những năm gần đây, thông qua những người như Gorky, Andreyev và những người khác, nó đã bắt đầu quỳ gối trước chủ nghĩa cá nhân kiêu hãnh của Tây Âu. Trong xã hội Chính Thống giáo của chúng ta, khi tình yêu thương bị thay thế bằng lòng kiêu căng và lòng tự ái (được gọi là “cao quý” - mặc dù các giáo phụ của Giáo Hội chỉ nói về lòng tự ái và tính kiêu ngạo khi liên quan đến ác quỷ), khi sự tự chối bỏ bản thân được thay thế bằng sự tự khẳng định bản thân và sự vâng phục nhu mì được thay thế bằng ý chí cứng đầu kiêu ngạo, thì một màn sương dày đặc đã bao phủ lên chân lý về Giáo Hội, vốn gắn liền không thể tách rời với những lý tưởng hoàn toàn đối lập.

Qua nhiều năm, người Nga đã dần mất thói quen sống gắn bó với Giáo Hội và bắt đầu mất đi sự hiểu biết về Giáo Hội như là một cuộc sống mới trong Đấng Kitô. Đã từng có thời gian tốt đẹp hơn khi I. T. Pososhkov để lại cho con trai mình lời khuyên răn này: “Con trai của ta, cha tha thiết khuyên nhủ con, bằng tất cả sức mạnh của mình, hãy trung thành với Giáo Hội Chính Thống giáo Đông Phương như người mẹ đã sinh ra con... và hãy tách mình ra khỏi tất cả những ai là kẻ thù của Giáo Hội Thánh và đừng có bất kỳ mối quan hệ thân thiện nào với họ bởi vì họ là kẻ thù của Chúa.” Theo suy nghĩ của Pososhkov, kẻ thù của Giáo Hội chắc chắn là kẻ thù của Chúa. Nhiều người đã mất đi sự minh bạch trong suy nghĩ này và dần dần, “sự mạo danh kinh khủng nhất về đức tin Chúa Kitô đã được hình thành trong thời đại của chúng ta.” Họ nhìn nhận đức tin từ một góc độ hoàn toàn trừu tượng, tựa như một tập hợp các giáo lý mà họ có thể tiến hành các thí nghiệm khác nhau. Kitô giáo, theo nghĩa của đời sống Giáo Hội và của nhân loại được tái sinh thông qua Đấng Kitô, gần như bị lãng quên. Chính Đấng Kitô đã nói rằng Ngài đang tạo dựng Giáo Hội; nhưng liệu người ta có còn nói về Giáo Hội đó không? Không; giờ đây họ thích nói về Kitô giáo; hơn nữa, họ coi Kitô giáo như một loại triết học hay giáo lý đạo đức nào đó. Kitô giáo—nghe như là tư tưởng Tân Kant hay là tư tưởng Nietzsche! Sự thay thế Giáo Hội bằng Kitô giáo, như một chất độc ngầm, thấm vào nhận thức của cả cộng đồng Giáo Hội. Nó là một chất độc ngầm vì nó ẩn dưới lớp vỏ bọc hoa mỹ của những bài phát biểu rầm rộ về những khuyết điểm của “Kitô giáo xưa cũ” (tức là Giáo Hội), về việc nó dường như không phù hợp với một loại “Kitô giáo thuần khiết,” “đúng theo Tin Mừng.” Tin Mừng và Đấng Kitô được đặt đối lập với Giáo Hội, mà vì một lý do nào đó, được gọi là “xưa cũ” như thể có hoặc đã từng có một Giáo Hội “không xưa cũ” khác. Tuy nhiên, sự thật là, Satan đã đội lốt thiên thần ánh sáng. Hẳn ra

vẻ như đang quan tâm đến chân lý của Đấng Kitô, như thể muốn thanh lọc chân lý của Đấng Kitô khỏi sự giả dối của loài người. Vào lúc này, người ta liền nhớ đến câu châm ngôn khôn ngoan của Vincent đáng kính của Lérins: “Khi chúng ta nghe một số người trích dẫn lời nói của các tông đồ hoặc tiên tri để phản đối đức tin Công giáo, chúng ta có thể chắc chắn rằng ma quỷ đang nói thông qua môi miệng họ; và để trà trộn một cách bí mật giữa những con chiên cỏi mở, chúng che giấu vẻ ngoài sói của mình, mà không từ bỏ sự hung dữ của sói. Chúng khoác lên mình những lời dạy Kinh Thánh, giống như một lớp lông cừu, để khi cảm nhận được sự mềm mại của lông, không ai sợ những chiếc răng sắc nhọn của chúng.”

Thực tế, những nỗ lực nhằm đổi lập Tin Mừng với Giáo Hội và thay thế Giáo Hội bằng một khái niệm mơ hồ về Kitô giáo đã mang lại nhiều hệ quả đáng tiếc: đời sống Kitô hữu đang dần bị khô cạn. Nó như chỉ là một giáo lý khác trong một chuỗi vô vàn các giáo lý xưa cũ và mới; và là một giáo lý rất mơ hồ, vì nếu không có Giáo Hội thì sẽ có vô số khả năng cho những hiểu lầm tùy tiện và mâu thuẫn lẫn nhau. Về mặt này, Kitô giáo đứng ở mức độ thấp hơn nhiều so với nhiều trường phái triết học khác. Trong thực tế, những người sáng lập các trường phái triết học đã để lại những tập sách toàn bộ về các tác phẩm của họ. Họ đã để lại những bài viết rõ ràng ít nhiều về hệ thống của họ, họ đã bày tỏ tương đối đầy đủ để không có không gian vô hạn cho các lời giải thích tùy tiện về giáo lý của họ. Chúa Giêsu Kitô không để lại hệ thống tư tưởng của Ngài. Ngài không viết lại bất kỳ điều gì. Chỉ duy nhất một lần là Ngài đã viết bằng ngón tay của mình, và thậm chí lúc đó Ngài chỉ viết trên mặt đất (xem Gioan 8:6).

Do đó, không có gì dễ dàng hơn là tái diễn giải giáo lý của Đấng Kitô theo sở thích cá nhân và phát minh ra “Kitô giáo,” truyền tải dưới danh nghĩa này những mơ tưởng trong tim và

những hình ảnh tưởng tượng nhàn rỗi của mình. Các sách thánh của Tân Ước được viết bởi những tông đồ thực tiễn, không có học vấn. Qua các thế kỷ đã có những “nhà phê bình của các Tông Đồ,” như thánh Irênê thành Lyons đã gọi họ, những người tự coi mình là cao hơn các Tông Đồ, những “tay đánh cá Galilê.” Liệu một người châu Âu học vấn cao của thế kỷ XX có thể chấp nhận tất cả những gì đã được nói bởi một vài “tay đánh cá”? Vì vậy, nhiều người đã tự giải thoát mình khỏi thẩm quyền của các Tông Đồ và mong muốn diễn giải lại giáo lý của Đấng Kitô dựa vào ý thích cá nhân của họ. Chẳng hạn như Leo Tolstoy, thẳng thừng tuyên bố rằng Tông Đồ Phaolô đã không hiểu đúng giáo lý của Đấng Kitô; điều đó có nghĩa là Tolstoy tự coi mình cao hơn Tông Đồ Phaolô. Người ta có thể rất ngạc nhiên trước khả năng biến tấu về Kitô giáo của một số người. Bất cứ điều gì họ muốn, họ đều có thể tìm thấy ngay lập tức trong Tin Mừng. Có vẻ như họ có thể che lấp mọi mơ tưởng nhàn rỗi và thậm chí cả những suy nghĩ ác ý bằng thẩm quyền của Tin Mừng.

Không, đức tin Đấng Kitô chỉ trở nên rõ ràng và chắc chắn với con người khi họ tin vào Giáo Hội một cách chân thành, không giả dối; chỉ khi đó những viên ngọc của đức tin này mới trở nên rõ ràng, chỉ khi đó đức tin mới giữ được sự trong sạch, không bị lẫn lộn với đồng rác rưởi bản thủ của mọi ý kiến và phán đoán tùy tiện. Thánh Phaolô Tông Đồ đã nói về điều này khi gọi Giáo Hội của Chúa hằng sống là trụ cột và nền tảng của chân lý (xem 1 Tm 3:15).

Trong trạng thái tách biệt khỏi Giáo Hội, ngay cả giáo lý Kitô giáo cũng trở nên mơ hồ, hão huyền và thay đổi liên tục tùy theo ý muốn.

Việc xuyên tạc Giáo Hội bằng Kitô giáo dẫn đến một sự xuyên tạc khác—“Sự xuyên tạc Đấng Kitô Đức Chúa-Người bằng ông Giêsu thành Nazareth.” Cũng như đức tin vào Giáo Hội không thể

tách rời với việc thừa nhận thần tính của Đấng Kitô Cứu Thế, thì việc chối bỏ Giáo Hội cuối cùng cũng sẽ dẫn đến sự phủ nhận sự nhập thể của Con Thiên Chúa, tức là phủ nhận thần tính của Đức Giêsu Kitô. Đấng Kitô không nhất thiết là Đức Chúa-Người để dạy một giáo lý gì đó. Trạng thái Chúa-Người của Đấng Kitô chỉ cần thiết khi Ngài được nhìn nhận là Đấng Cứu Thế, Đấng đã rót sức mạnh vào bản tính con người và thành lập Giáo Hội. Thực ra, mối liên kết không thể tách rời giữa chân lý về Giáo Hội và chân lý về việc Ngài là Con Thiên Chúa không phải đã nói bởi chính Đức Giêsu Kitô sao? Simon Phêrô nói: “Thầy là Đấng Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống.” Sau đó Đức Giêsu nói với ông: “Anh là Phêrô, và trên tảng đá này” (tức là trên chân lý về việc Thiên Chúa nhập thể mà Phêrô đã tuyên xưng). “Thầy sẽ xây dựng Giáo Hội của Thầy; và cửa địa ngục sẽ không thắng nổi” (Mt 16:16, 18). Giáo Hội nguyên thủy, trong một nỗ lực đặc biệt, với tất cả sức mạnh của mình, đã xác định chân lý về sự đồng bản thể của Con Thiên Chúa nhập thể và Thiên Chúa Cha, bởi vì nó khao khát một sự đổi mới chân thật của bản tính con người, sự tái tạo một “tạo vật mới,” tức là Giáo Hội. Động lực nội tại của tất cả các xư hướng giáo lý của thế kỷ thứ tư là niềm tin không thể lay chuyển vào thực tế rằng Con Thiên Chúa là ngôi vị thứ hai của Thiên Chúa Ba Ngôi, Đấng đã xuống trần gian, trở thành người, mặc khải những huyền nhiệm của Vương Quốc của Chúa, thành lập Giáo Hội của Ngài trên thế gian, chịu khổ vì tội lỗi của loài người và, sau khi chiến thắng sự chết, đã trỗi dậy từ cõi chết, mở ra con đường để con người được thần hóa, không chỉ trong linh hồn mà còn trong thân xác. Tại sao cuộc chiến với thuyết Arian lại căng thẳng như vậy? Tại sao những người theo thuyết Arian lại gặp phải sự phản kháng đến mức Thánh Athanasiô Cả, trụ cột của Giáo Hội Đấng Kitô, từ chối coi họ là “Kitô hữu”?

Đối với một người đương đại không tôn giáo, tất cả các cuộc

tranh luận giáo lý của thế kỷ thứ tư dường như là không thể hiểu nổi và vô nghĩa. Tuy nhiên, đây là cuộc đấu tranh giữa hai quan điểm hoàn toàn mâu thuẫn về Đấng Kitô—quan điểm thần bí-tôn giáo, trong đó Ngài là nguồn sống, sự cứu độ, sự bất tử, và sự thần hóa của con người, đối lập với quan điểm duy lý, trong đó Đấng Kitô chỉ được xem như một bậc thầy được tôn sùng và là gương mẫu cho các môn đệ của Ngài. Trọng tâm của vấn đề là: trong tương lai, Kitô giáo sẽ tiếp tục là một tôn giáo với tất cả sự trọn vẹn của đức tin và hy vọng thuần khiết, hay sẽ bị biến thành một triết lý đơn giản với sắc thái tôn giáo, như đã xuất hiện nhiều vào thời đó? Những câu hỏi liên quan đến thần tính của Con Thiên Chúa, ảnh hưởng đến khía cạnh thân mật nhất của tâm hồn các tín hữu, đã được thảo luận trên các quảng trường và chợ búa. Có thể nói rằng ngay cả khi đó Giáo Hội đã bảo vệ chân lý rằng Đấng Sáng Lập của mình có cùng bản thể với Đức Chúa Cha. Những người Arian, những người theo tư duy duy lý, đã từ chối sự đồng bản thể của Con Thiên Chúa nhập thể, xem Ngài như một người sáng lập một trường phái nào đó, do đó không nhất thiết phải là Chúa hoàn hảo. Khao khát trở thành một “tạo vật mới,” một “bản tính được đổi mới,” tức là một Giáo Hội của Thiên Chúa hằng sống, đòi hỏi sự thừa nhận thần tính trọn vẹn của Đấng Kitô. “Thiên Chúa đã trở thành người để con người có thể trở thành chúa.” “Con Thiên Chúa đã trở thành con người để con người có thể trở thành con Thiên Chúa.” Thánh Irenaeus thành Lyons và Thánh Athanasiô Cả đã định nghĩa khái niệm sự nhập thể của Thiên Chúa như vậy. Thần học của Giáo Hội Chính Thống giáo của chúng ta tràn ngập những định nghĩa như vậy. Đây là những ví dụ từ lễ phụng vụ Giáng Sinh: “Hôm nay Thiên Chúa đã giáng trần, và con người đã bước lên trời” (Litia, Stichera thứ hai); “Nhìn thấy người đã được tạo dựng theo hình ảnh và hình hài Thiên Chúa bị hủy hoại qua sự sa ngã, Đức Giêsu nghiêng trời

và ngự xuống, không thay đổi, ở trong cung lòng của Trinh Nữ: để qua đó Ngài có thể tạo dựng lại Adam sa ngã” (Litia, Stichera thứ tư); “Hãy để mọi tạo vật hân hoan và nhảy mừng, vì Đấng Kitô đã đến để làm mới và cứu rỗi linh hồn chúng ta” (Stichera “Vinh Danh” tại Aposticha); “với người đã sa ngã qua sự phạm tội, người được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa, và trở thành sự hủy hoại của chính mình, đã sa ngã khỏi cuộc sống tốt đẹp hơn của Thiên Chúa, Đấng Tạo Hóa khôn ngoan đã phục hồi lại, vì Ngài được tôn vinh” (Canon, Ode 1, Troparion 1). Giáo Hội Chính Thống giáo đã mang khái niệm về sự cứu rỗi thực sự, chân thật của loài người, về sự tái sinh hoàn toàn, làm mới, tái tạo và thần hóa cho con người, điều mà con người không thể đạt được chỉ bằng sức mạnh của mình dù cho họ có suy nghiệm triết lý đến bao nhiêu đi chăng nữa.

Sự nhập thể của Con Thiên Chúa là điều hoàn toàn cần thiết cho Giáo Hội để nó thực sự trở thành Giáo Hội, một cộng đồng của những người đã được làm mới. Vì vậy, đối với người thuộc Giáo Hội, những người đã nhận thức được toàn bộ tầm cao của lý tưởng tôn giáo của Giáo Hội Thánh, Chúa Giêsu Kitô đã luôn là và mãi mãi là Con Thiên Chúa, đồng bản thể với Chúa Cha.

“Những kẻ khác,” Thánh Irenaeus viết, “không coi trọng việc Con Thiên Chúa giáng trần, và việc Ngài nhập thể mà các Tông Đồ đã công bố và các nhà tiên tri đã tiên báo, qua đó sự hoàn thiện của loài người phải được hoàn thành. Những người như vậy phải được tính vào số những kẻ vô thần.”

Vào thời Thánh Irenaeus, một số người dạy sai lệch đã khẳng định rằng toàn bộ vấn đề của Đấng Kitô chỉ nằm ở việc Ngài ban hành một luật mới thay thế cho luật cũ, điều mà Ngài đã bãi bỏ. Thánh Irenaeus, ngược lại, khẳng định rằng mục tiêu của sự hiện diện của Đấng Kitô không phải là một bộ luật mới hay một giáo lý mới, mà là việc tái tạo bản chất sa ngã của con người.

“Nếu,” ông viết, “có một ý nghĩ nảy sinh trong bạn: ‘Chúa đã mang đến điều gì mới với sự hiện diện của Ngài?’ thì hãy biết rằng Ngài đã mang đến tất cả mọi thứ mới mẻ; Ngài đã mang đến chính Ngài và do đó làm mới và ban sự sống cho toàn nhân loại.”

Nếu ai đó chối bỏ Giáo Hội cùng với lý tưởng tôn giáo của nó, thì đối với họ, Đấng Kitô sẽ chỉ là một bậc thầy-triết gia thuộc cùng hạng mục với Phật, Khổng Tử, Socrates, Lão Tử và những người khác. Hơn nữa, Đấng Kitô, với tư cách là một người thầy, dường như không hề có một sự độc đáo. Giới học thuật tuân thủ trích dẫn nhiều nguồn khác nhau, bao gồm các thần thoại Babylon, được cho là nơi Chúa Giêsu vay mượn giáo lý của mình. Đấng Kitô được ví như là một học giả kém cỏi, người biên soạn công trình của mình bằng cách vay mượn, nhưng không phải lúc nào cũng thành công, từ các công trình của nhiều người khác nhau.

Kẻ thù của Kitô giáo hân hoan chỉ ra kết quả của các bài nghiên cứu khoa học và tuyên bố rằng, về căn bản, Đức Giêsu thành Nazareth thậm chí không đề xuất thêm một giáo lý mới; Ngài chỉ lặp lại những gì đã được nói ngay cả khi không có Ngài.

Tuy nhiên, đối với những người tin vào Đấng Kitô, tất cả những cuộc bàn luận về các “ảnh hưởng” khác nhau lên Kitô giáo đều hoàn toàn vô nghĩa. Bản chất của các hoạt động của Đấng Kitô, như chúng ta đã thấy, không phải để giảng dạy, mà là để cứu rỗi. Thiên Chúa đã gửi Con Một của Ngài để chúng ta có thể nhận được sự sống qua Ngài (xem 1 Gioan 4:9; 5:13).

Mặc dù có thể tìm thấy những góc nhìn về sự thật gần gũi với Kitô giáo trong giáo lý của các triết gia trần thế, nhưng chính Đấng Kitô đã làm mới bản chất con người, tạo ra Giáo Hội, gửi xuống Thánh Thần và do đó thiết lập sự khởi đầu của một cuộc sống mới, điều mà không một triết gia trần thế nào có thể làm được. Sự giáng trần của Con Thiên Chúa và sự chết của Ngài trên

thập giá là điều không thể thiếu cho sự tạo dựng của Giáo Hội; và tất cả những ai tách rời khỏi Kitô giáo sớm muộn gì cũng sẽ đi đến sự báng bỏ bằng việc phủ nhận Đấng Kitô Đức Chúa-Người và họ đi đến kết luận này bởi vì thần tính của Đấng Kitô là điều không cần thiết đối với họ.

Trong chúng ta ngày càng có nhiều người mơ tưởng về một loại Kitô giáo vô Giáo Hội. Những người này dường như có một hệ tư tưởng hỗn loạn và không ngừng thay đổi. Họ hoặc là không có khả năng, hoặc thường thấy hơn, chỉ đơn giản là quá lười biếng để suy nghĩ thấu đáo về những điều họ nghĩ.

Ngay cả khi không đề cập những mâu thuẫn rõ ràng nhất của dạng Kitô giáo vô Giáo Hội, chúng ta vẫn luôn có thể thấy rằng nó hoàn toàn thiếu Ân Sủng chân thực của đời sống Kitô hữu, và sự linh hứng và thúc dục của Thần Khí.

Khi một người cầm lên quyển sách Tin Mừng, và quên rằng Giáo Hội đã trao nó cho họ, thì nó trở nên giống như quyển Kinh Qur'an, được cho là do Allah thả từ trên trời xuống. Khi họ bằng cách nào đó cố tình bỏ qua giáo lý về Giáo Hội trong Kinh Thánh, thì tất cả những gì còn sót lại của Kitô giáo chỉ là giáo lý, không có sức mạnh để tái tạo sự sống và con người, cũng giống như mọi hệ thống triết học khác.

Tổ tiên của chúng ta, Adam và Eva, đã tìm cách trở thành “như các thần” mà không có Thiên Chúa, mà chỉ dựa vào sức mạnh ma thuật của “quả táo” đẹp đẽ. Đây là cách mà nhiều người đương đại của chúng ta mơ về việc được cứu rỗi: bằng Tin Mừng, nhưng không có Giáo Hội và không có Đức Chúa-Người. Họ hy vọng vào quyển sách Tin Mừng cũng như Adam và Eva hy vọng vào quả táo trên thiên đàng.

Tuy nhiên, quyển sách đó không hề có sức mạnh để mang lại cho họ một sự sống mới. Những người chối bỏ Giáo Hội liên tục nói về “các nguyên tắc Tin Mừng,” về giáo lý Tin Mừng; nhưng

việc hiểu Kitô giáo là sự sống thì hoàn toàn xa lạ với họ.

Trong hình thức vô Giáo Hội, Kitô giáo chỉ là một âm thanh, đôi khi đầy cảm xúc, nhưng luôn là một sự biếm họa và vô hồn. Chính những người này, khi chối bỏ Giáo Hội, đã làm cho Kitô giáo, theo lời V. S. Soloviev, trở nên “chán ngắt như chết.” Như David Strauss đã nhận xét, “Khi công trình của Giáo Hội bị phá hủy và, trên mảnh đất tro bụi, không bằng phẳng, chỉ có bài thuyết giáo khích lệ được dựng lên, hệ quả thật đáng buồn và khủng khiếp.”

Trong lịch sử, nhà truyền giáo nhất quán nhất về một Kitô giáo vô Giáo Hội của chúng ta là Leo Tolstoy. Tolstoy đã làm nhiều người bối rối với lời giảng dạy của mình, nhưng chính trong ví dụ của tư tưởng Tolstoy, người ta có thể rõ ràng quan sát thấy sự thiếu sót của một Kitô giáo vô Giáo Hội.

Điểm khởi đầu trong lời dạy sai lệch của Tolstoy có thể được gọi là sự tách biệt sắc bén của Kitô giáo khỏi Giáo Hội. Tolstoy đã lên án Giáo Hội một cách mạnh mẽ, trong khi vẫn ngưỡng mộ Kitô giáo. Tuy nhiên, đối với ông, Kitô giáo ngay lập tức trở thành chỉ là một hệ thống giáo lý, và Đấng Kitô, chỉ là một người thầy.

Khi bất kỳ loại giáo lý nào được đặt trước mặt chúng ta, việc ai là người đưa ra giáo lý ấy không thực sự quan trọng. Đối với Tolstoy, con người sống của Đấng Kitô đã mất hết ý nghĩa và tầm quan trọng. Khi đã lấy giáo lý của Đấng Kitô, dường như người ta có thể lãng quên đi chính Ngài.

Ông phủ nhận Đức Chúa-Người, gọi Ngài là “một người Do Thái bị đóng đinh,” và “một người Do Thái đã chết.” Với điều đó, Tin Mừng bị cắt đứt khỏi chính khởi đầu của nó, nơi loan báo về sự ra đời siêu nhiên của Con Thiên Chúa từ Trinh Nữ Maria, và nó bị cắt đứt khỏi sự kết thúc của nó nơi ghi nhận lại sự phục sinh của Con Thiên Chúa từ cõi chết và sự lên thiên đường của Ngài.

Tolstoy không giới hạn mình trong việc cắt bỏ Tin Mừng khỏi

sự khởi đầu và kết thúc của nó; ông cũng tái cấu trúc “phần giữa” của nó theo ý thích của mình. Ông do đó bắt buộc Đức Giêsu của mình chỉ nói những gì ông, người thầy của Yasnaya Polyana (tên của điền trang của Leo Tolstoy), ra lệnh.

Chính Đấng Kitô đã hứa gửi đến các môn đồ của Ngài “một Đấng An Ủi khác.” Đấng An Ủi này, Đấng Bảo Trợ Thần Linh, được Giáo Hội Kitô tôn kính như nguồn sống mới và phong phú của Giáo Hội, vốn là món quà của Ân Sủng. Thánh Phaolô, như chúng ta đã thấy, liên tục nói về Chúa Thánh Thần sống trong Giáo Hội.

Tuy nhiên, Tolstoy phủ nhận Chúa Thánh Thần. Ông gọi Giáo Hội Chính Thống giáo không phải của Đấng Kitô mà, với một cách chế giễu, là “của Chúa Thánh Thần.” Sau đó ông hạ mình xuống để phỉ báng các Nhiệm tích Thánh qua đó thành viên của Giáo Hội nhận được Ân Sủng của Chúa Thánh Thần cho một sự sống mới. Phép Rửa là một nhiệm tích của sự tái sinh—đối với Tolstoy nó trở thành “việc tắm rửa trẻ sơ sinh.” Thánh Thể, mà không có nó, theo giáo lý của chính Đấng Kitô, một người không thể có sự sống trong họ (xem Gioan 6:53), trở thành, theo thuật ngữ phỉ báng của Tolstoy, “súp” mà một người “nuốt từ một cái thìa nhỏ.”

Nhưng cũng phải công nhận Tolstoy vì ít nhất ông đã nhất quán. Sau khi giới hạn tất cả công trình của Đấng Kitô chỉ vào giáo lý của Ngài và, sau khi chối bỏ Giáo Hội, Tolstoy phải đi đến kết luận tất yếu của mình, điều đã phá hủy bản chất Kitô giáo. Ít nhất Tolstoy đã rõ ràng chỉ ra cho chúng ta những hệ quả có thể xảy ra từ việc tách biệt một cách vô lý Kitô giáo ra khỏi Giáo Hội và sự phủ nhận của Giáo Hội trên danh nghĩa một Kitô giáo tượng tượng. Nếu một người tách biệt Kitô giáo khỏi Giáo Hội, thì anh ta không cần đến thần tính của Đấng Cứu Thế, và Chúa Thánh Thần cũng do đó không cần thiết.

Tuy nhiên, không có Chúa Thánh Thần, và không có thần tính của Đấng Cứu Thế, không có sự nhập thể của Con Thiên Chúa,

giáo lý của Đức Giêsu thành Nazareth trở nên ít có giá trị đối với sự sống, cũng như bất kỳ giáo lý nào khác; vì nó không thể chia sẻ sự lạc quan của Socrates, coi tri thức là đức hạnh.

Sự thiếu sót trong hiểu biết của Tolstoy về Kitô giáo vô Giáo Hội là rõ ràng từ thực tế rằng tư tưởng Tolstoy không tạo ra bất kỳ một sự sống nào. Kitô giáo chỉ có thể tồn tại trong sự hiệp nhất với Đức Chúa-Người Đấng Kitô, và trong sự hiệp nhất được tạo ra bởi Ân Sủng cho con người với Giáo Hội. Trong tư tưởng Tolstoy không có một điều hoặc điều còn lại.

Thay vì sự nhiệt thành của các thánh tử đạo và các nhà tu khổ hạnh của Giáo Hội, thay vì sự liên kết tình yêu thương kết nối các Tông Đồ và các tín hữu mạnh mẽ đến nỗi họ có chung “một trái tim và một linh hồn”—thay vì tất cả điều này, những người theo Tolstoy chỉ tạo ra những “thuộc địa Tolstoyite” kỳ dị và vô hồn. “Ai không có Con Thiên Chúa thì không có sự sống” (1 Gioan 5:12). Như V. S. Soloviev đã nói, Tolstoy chỉ hiệp nhất xung quanh mình vài chục kẻ ngu ngốc, kiểu người luôn sẵn sàng tản ra đi khắp các hướng khác nhau. “Người Thầy Vĩ Đại” dường như không dạy được gì cho bất kỳ ai và “cây gậy xanh” không cứu được ai bởi vì không phải cây gậy mà là thập giá của Đấng Kitô mới thực sự cần thiết cho sự cứu rỗi.

Như vậy, sử dụng tư tưởng Tolstoy làm ví dụ, chúng ta thấy rằng một Kitô giáo vô Giáo Hội dẫn đến sự biến dạng khủng khiếp và thậm chí dẫn đến sự phá hủy của chính bản thân Kitô giáo. Nó bị bác bỏ bởi chính sự vô hồn hoàn toàn của nó.

Giáo lý sai lầm của chủ nghĩa Kháng Cách cũng bị sỉ nhục bởi sự vô hồn này. Người Kháng Cách đã đạt được gì khi làm lu mờ khái niệm về Giáo Hội với triết lý của họ? Họ chỉ đạt được sự chia rẽ, một sự chia rẽ tuyệt vọng nhất. Chủ nghĩa Kháng Cách liên tục bị tách ra thành nhiều giáo phái khác nhau. Không có đời sống Giáo Hội theo chủ nghĩa Kháng Cách, mà chỉ có một “cuộc sống

lay lắt” của các giáo phái và cộng đồng riêng lẻ.

Chủ nghĩa Kháng Cách đã giết chết đời sống Giáo Hội nói chung, Giáo Hội mà đã được Chúa Giêsu Kitô cầu nguyện trong lời cầu nguyện thánh thiện đầu tiên.

Trên thực tế, những người Kháng Cách theo chủ nghĩa cơ yếu (fundamentalist Protestants) lại đứng gần các Kitô hữu Chính Thống giáo hơn là những người Kháng Cách theo chủ nghĩa duy lý cực đoan, những người không có một điểm chung gì với Kitô giáo, ngoại trừ việc mạo nhận danh nghĩa một cách tùy tiện và vô căn cứ. Họ thậm chí không tìm kiếm một sự ban phước cho việc đó. Làm sao mà họ có thể có sự hiệp nhất? Cuộc sống gì mà họ có thể đạt được?

Chúng tôi không nói tất cả những điều này hoàn toàn từ chính chúng tôi. Trong một số khoảnh khắc sáng suốt, chính những người Kháng Cách cũng nói điều tương tự và thậm chí còn sắc bén hơn. “Quốc gia,” một trong số họ viết, “cái nôi của Cải Cách đang trở thành nấm mồ cho đức tin Cải Cách. Đức tin Kháng Cách đang trên bờ vực của cái chết. Tất cả các tác phẩm mới nhất về Đức, cũng như tất cả các quan sát cá nhân, đều đồng ý về điều này.”

“Chẳng phải rằng trong thần học đương đại của chúng ta, các đại diện của phong trào đã mất đi mọi điều tích cực?” một người khác hỏi. Còn buồn hơn là lời của người thứ ba. “Sức mạnh thiết yếu của chủ nghĩa Kháng Cách đang bị cạn kiệt trong một mớ hỗn độn của các trường phái giáo lý, sự bất đồng thần học, tranh chấp giáo hội...Cuộc Cải cách bị lãng quên hoặc bị coi thường; Lời của Thiên Chúa, vì những điều mà tổ tiên đã phải chết, đang bị nghi ngờ; chủ nghĩa Kháng Cách đang bị chia rẽ, yếu đuối và bất lực.”

Một nhà nghiên cứu Chính Thống giáo về giáo phái Luther kết thúc công trình của mình với kết luận ảm đạm này. “Để mặc cho họ tự xoay sở, với lý trí và đức tin chủ quan của họ, những người

theo Luther đã can đảm đi trên một con đường lệch lạc, và tự học cách làm bóp méo Kitô giáo, xuyên tạc chính giáo lý của đức tin, đã đặt giáo phái Luther trước bờ vực của sự sụp đổ. Trong giáo phái Luther, thẩm quyền của những nhà cải cách đầu tiên ngày càng bị chôn bỏ. Cộng đồng đức tin ngày càng bị phá vỡ và giáo phái Luther đang đến gần cái chết tâm linh.”

Hiện nay, người Kháng Cách đã công khai thừa nhận rằng ở Đức không quá một phần ba các mục sư công nhận thần tính của Đấng Kitô. Đây là gì nếu không phải là cái chết tâm linh, vì theo Thánh Tông Đồ, “ai không có Con Thiên Chúa thì không có sự sống” (1 Gioan 5:12).

Ở Moscow, từng có một thời gian ồn ào về “Hiệp hội Sinh viên Kitô giáo Quốc tế.” Ngay tại trung tâm của các thánh địa Chính Thống giáo Nga, một số lượng lớn các nhà truyền giáo thuộc hiệp hội này đã đến, như John Raleigh Mott và Miss Raus, những người đã giảng đạo bằng tiếng Anh cho sinh viên Nga.

Chúng tôi cũng được nghe một bài giảng về hiệp hội hải ngoại này. Ngài ta nói rằng hiệp hội không theo bất kỳ giáo phái nào; trong đó, tự do được trao cho mọi giáo phái Kitô giáo. Các giáo phái hiệp nhất trong hiệp hội, theo thuật ngữ của những giảng viên, “trên cơ sở liên bang.” Sau đó, một hình thức Kitô giáo độc lập với Giáo Hội được đưa vào lý thuyết.

Đây chính là lý do mà hiệp hội này ngay từ đầu đã là một thực thể chết yếu. Liệu có bất kỳ đời sống Kitô hữu nào trong một “hiệp hội” như vậy? Nếu có, thì đó quả là điều đáng thương hại nhất. Hãy thử tưởng tượng một “đại hội” của các tổ chức sinh viên Kitô giáo, tại đó có sự xuất hiện của “các đại biểu của các phân đoàn giáo phái liên bang đoàn kết,” một đại hội với tất cả “nghị quyết,” “mong muốn” và vân vân.

Nếu một hiệp hội như vậy thực sự diễn ra thì nó sẽ thấp kém hơn vô cùng so với đời sống Giáo Hội chân chính của Chính Thống

giáo. Chỉ đối với một kẻ lang thang ở một nơi xa lạ, xa rời khỏi Chính Thống giáo Thánh Thiện và khởi đức tin, một cuộc sống lay lắt trong hiệp hội theo “cơ sở liên bang” nào đó mới được coi như là một mặc khải mới lạ, một niềm vui cho một tâm hồn trống rỗng! Những tia sáng yếu ớt đây có là gì so với sự viên mãn của đời sống Chính Thống giáo toàn thể!

Khi tôi lắng nghe bài giảng về “Hiệp hội Sinh viên Kitô giáo Quốc tế,” trái tim tôi tràn ngập nỗi buồn và đau khổ. Biết bao nhiêu người thành tâm, khao khát Thiên Chúa, khao khát sự sống, đang chết đói và được nuôi dưỡng bởi dòng sữa của một hiệp hội sinh viên hải ngoại nào đó. Họ không biết cách sử dụng cái bánh dồi dào trong nhà Cha trên thiên đàng, trong Giáo Hội Chính Thống giáo? Chỉ cần quên đi tất cả “cơ sở liên bang,” tự do trao mình hoàn toàn cho sự vâng phục Giáo Hội Chính Thống giáo và gắn bó với sự viên mãn của đời sống Giáo Hội, với đời sống của thân thể Đấng Kitô (để sử dụng những cái bánh dồi dào này).

Khái niệm về Giáo Hội đã được A. S. Khomiakov hiểu một cách tuyệt vời, người đã nói rằng đối với Giáo Hội của Đấng Kitô, unia (sự kết hợp giữa các giáo phái Kitô giáo) là không thể, chỉ có thể là unity (sự hiệp nhất).

Đã có những trường hợp những người phù phiếm nảy ra ý định rằng họ có thể tạo ra một tôn giáo quốc tế bằng cách ngồi trong phòng học. Hàng triệu lời kêu gọi đã được gửi đi với lời mời tham gia “tôn giáo chung” này, một dự án được cho là thành quả của những lời kêu gọi đó.

Tuy nhiên, kế hoạch này đã được phác thảo bằng những thuật ngữ khái quát nhất, mà một người Công giáo, Kháng Cách, Hồi giáo, hoặc Do Thái đều có thể ký tên với sự thoải mái như nhau. Tất nhiên, nếu tất cả mọi người đồng ý với kế hoạch này, nó sẽ không hiệp nhất họ lại với nhau dưới bất kỳ hình thức nào: những luận điểm trừu tượng khái quát sẽ không ràng buộc ai vào bất

cứ điều gì. Mọi người vẫn sẽ như cũ; không ai nhận được sự cứu rỗi. Thật là điên rồ khi cố gắng hiệp nhất mọi người dựa trên một số giáo lý nào đó. Để làm điều này cần có một quyền năng siêu nhiên đặc biệt, mà chỉ có Giáo Hội Một, Thánh Thiện, Công Giáo của Đấng Kitô mới sở hữu.

Không hề khó để trả lời câu hỏi: những hiện tượng này và các hiện tượng tương tự khác của cuộc sống đương đại của chúng ta có ý nghĩa gì, và dựa trên cơ sở nào chúng có thể xuất hiện? Cơ sở cho chúng là một thực tế rằng, đối với nhiều người đương đại của chúng ta, lý tưởng Chính Thống giáo chân chính của Giáo Hội dường như quá xa vời. Con người ngày nay đã trở nên trì trệ và cứng nhắc trong lòng tự ái của mình, đến mức khái niệm Chính Thống giáo của Giáo Hội dường như đối với họ là một hình thức áp đặt lên cá nhân, một sự chuyên chế khó hiểu và không cần thiết. Khái niệm Chính Thống giáo của Giáo Hội đòi hỏi ở mỗi người sự chối bỏ bản thân, tính khiêm nhường và tình yêu thương. Do đó, trong trái tim của con người đương đại, những kẻ nghèo nàn tình yêu thương và coi lòng tự ái là điều quý giá nhất, lý tưởng này quá khó chịu để gánh vác.

Vậy phải làm gì đây? Ô, nhân loại biết rõ cách giải quyết trong những trường hợp như vậy. Khi một lý tưởng dường như vượt quá sức mạnh của mình, quá nặng nề, nó được thay thế bằng một cái khác phù hợp hơn. Lý tưởng chân chính bị hạ thấp và bản chất của nó bị bóp méo, mặc dù đôi khi tên gọi cũ vẫn được giữ lại. Bao nhiêu người đã từ bỏ lý tưởng yêu thương này trong vô vọng? Họ nói rằng việc xây dựng đời sống cộng đồng trên cơ sở tình yêu thương này là một giấc mơ hảo huyền, và rằng nên từ bỏ sớm để tránh thất bại sau này.

Như thế vẫn chưa đủ, họ thậm chí còn lên án bất kỳ sự nhiệt thành nào đối với lý tưởng của Giáo Hội hay đời sống tôn giáo nói chung là không lành mạnh và có hại, những điều sẽ cản trở

sự phát triển cần thiết của đời đời sống xã hội. Không lâu trước đây, khi loạt bài Vekhi xuất hiện, phe “người có tinh thần công chúng” theo chủ nghĩa cấp tiến mạnh nhất đã kêu lên một cách tuyệt vọng: “Phản đối! Phản đối!” Gạt bỏ tình yêu thương sang một bên vì cho rằng nó vô dụng trong đời sống công cộng, chỉ dành riêng cho nhu cầu cá nhân của con người, họ chỉ tập trung hoàn toàn vào luật pháp, thứ mà họ nghĩ có thể chữa lành mọi bệnh tật của nhân loại.

Hơn nữa, đức hạnh nói chung được thay thế bằng sự trật tự, sự đúng mực và lịch sự vẻ ngoài. Vàng thì đắt, nên để thay thế, họ đã phát minh ra việc mạ vàng, giống như họ đã nghĩ ra sự đúng mực và lịch sự vẻ ngoài như một sự thay thế cho đức hạnh vốn thiếu sót.

Họ hành xử chính xác theo cách tương tự với lý tưởng của Giáo Hội, vốn đòi hỏi sự hiệp nhất hoàn toàn giữa các tâm hồn và trái tim. Họ thay thế Giáo Hội bằng một thứ Kitô giáo không có giá trị cụ thể, như chúng ta đã nói. Lương tâm của họ không bị quấy rầy bởi hành động như vậy; dù sao đi nữa, nó vẫn là “Kitô giáo”, một cái tên nghe có vẻ đúng đắn.

Nếu không có Giáo Hội, người ta có thể đặt bất cứ điều gì mình thích dưới danh nghĩa này. Bằng cách này, bạn sẽ không hoàn toàn tách rời khỏi Đấng Kitô, nhưng cũng không cần phải tự làm phiền mình. Nói ngắn gọn, sỏi được nuôi, nhưng cừu thì không bị ăn thịt!

Đại họa của thời đại chúng ta nằm ở chỗ không ai muốn thẳng thắn thừa nhận sự nghèo nàn tâm linh của mình và rằng trái tim họ đã trở nên chai sạn đến mức lý tưởng của Đấng Kitô về Giáo Hội đã trở thành gánh nặng và thậm chí khó hiểu. Không, khi sở hữu đồng thay vì vàng, họ giờ lại muốn tuyên bố vàng là thứ vô giá trị. Bây giờ họ tấn công Giáo Hội với sự cay đắng và chối bỏ chính khái niệm về Giáo Hội, giả vờ trú ẩn dưới những cụm từ ồn

ào và hoa mỹ, rập khuôn và tẻ nhạt về “tự do cá nhân” và “diễn giải cá nhân” về Kitô giáo và về một tôn giáo của sự tự do và tâm linh.

Lý tưởng của Đảng Kitô về một cộng đồng Giáo Hội duy nhất (“Để tất cả đều là một, như Chúng Ta là một”) xuất hiện đối với họ như là một sự bóp méo và sự biến dạng và do đó mất đi ý nghĩa thiết yếu của nó.

Kitô giáo vô Giáo Hội, thứ gọi là Kitô giáo “Phúc Âm”, các hiệp hội sinh viên Kitô giáo thế giới khác nhau—tất cả những điều này không gì khác ngoài sự hạ thấp và bóp méo khái niệm của Đảng Kitô về Giáo Hội, giết chết tất cả đời sống Giáo Hội đích thực, đầy Ân Sủng của Kitô giáo.

Tuy nhiên, những điều mà chúng ta đã nói có phải là những hiện tượng duy nhất chứng minh sự thiếu sót trong cách hiểu biết đương đại về mối liên kết không thể tách rời giữa Kitô giáo và Giáo Hội? Chúng ta đã gặp phải sự thiếu hiểu biết này ở mọi bước đi. Bây giờ những người nghĩ về Chúa nói chung, những người hầu như không quan tâm đến các thách thức tôn giáo, những người cố gắng tự thiết lập trong cuộc sống mà không có bất kỳ đức tin sống động nào, vẫn coi việc nói về Kitô giáo là một nghĩa vụ chính đáng. Lời nói của họ, tất nhiên, vang lên với sự giả dối và đạo đức giả.

Chúng ta chưa gặp phải sự khinh bỉ hoàn toàn đối với Kitô giáo—giới hạn này chỉ đạt đến bởi một số ít người “bị áp bức bởi ma quỷ” (Công vụ 10:38), những “người cấp tiến” (nếu, tất nhiên, một người coi đường xuống địa ngục là một sự cấp tiến).

Một “người-ven-đường” thường nói về Kitô giáo với một mức độ tôn trọng nhất định. “Kitô giáo, ôi! Điều đó, tất nhiên, là một giáo lý cao quý và tuyệt vời. Ai lại tranh luận chống lại điều đó?” Sự chấp thuận thô sơ này là cách một người nói về Kitô giáo, nhưng cùng lúc đó, dường như đây được coi là một dấu hiệu tốt

của một hình thức, thường là vô thức, chống lại mọi điều thuộc về Giáo Hội.

Trong tâm hồn của nhiều người, sự tôn trọng đối với Kitô giáo vẫn tồn tại bằng một cách nào đó cùng với sự khinh thường đối với Giáo Hội. Những người như vậy không ngại ngần tự gọi mình ít nhất là Kitô hữu, nhưng họ lại không muốn nghe về Giáo Hội và xấu hổ khi thể hiện bất kỳ ý thức Giáo Hội nào dưới bất kỳ hình thức nào. Những người, theo giấy khai sinh của họ là “thuộc Đức tin Chính Thống giáo”, với một niềm vui ác độc kỳ lạ chỉ ra những thiếu sót trong thực tế và, thường xuyên hơn, trong trí tưởng tượng của đời sống Giáo Hội. Họ không đau buồn về những thiếu sót này, theo lệnh của Tông Đồ, “nếu một bộ phận nào đau, thì mọi bộ phận cùng đau” (1 Cor. 12:26), mặt khác, họ lại hả hê.

Trong giới báo chí “cấp tiến”, có nhiều người kiếm sống gần như hoàn toàn từ việc bôi nhọ các tổ chức Giáo Hội và đại diện hàng giáo phẩm thuộc Giáo Hội. Bôi nhọ mọi thứ thuộc về Giáo Hội bây giờ đã trở thành, đối với một số người, một nghề béo bở. Tuy nhiên, nhiều người vội tin vào những lời dối trá tai tiếng này mà không một chút do dự. Những người không tử tế, khi nghe điều gì đó xấu về kẻ thù của họ, vội tin vào tất cả những điều xấu xa đó, và sợ rằng điều xấu xa ấy hóa ra lại không đúng.

Đây chính xác là điều mà một người cần phải liên tục quan sát mọi người trong mối quan hệ của họ với Giáo Hội. Do đó, một lần nữa chúng ta thấy mức độ rộng rãi của (khái niệm) sự tách biệt của Kitô giáo khỏi Giáo Hội: họ tự coi mình là Kitô hữu nhưng họ lại không muốn nghe gì về Giáo Hội.

Trong một môi trường tách biệt khỏi đức tin nói chung, có một sự nhầm lẫn không thể tưởng tượng nổi về các khái niệm. Khi những người xa rời Giáo Hội bắt đầu phán xét nó, có thể thấy rõ rằng họ hoàn toàn không hiểu bản chất của Kitô giáo và Giáo Hội và do đó ngay cả các đức hạnh của Giáo Hội cũng trở thành thiếu

sót đối với họ.

Ví dụ, cái chết của Tolstoy (tức là việc Giáo Hội từ chối chôn cất ông) đã châm ngòi cho bao nhiêu sự bùng nổ thù địch mù quáng đối với Giáo Hội? Nhưng Giáo Hội có tội gì khi chính Tolstoy đã rời khỏi nó, trở thành kẻ thù hiển nhiên và nguy hiểm của Giáo Hội?

Bạn thấy đây, ông ấy đã tự tách mình ra khỏi Giáo Hội, như một xã hội hữu hình, thậm chí còn coi nó là một tổ chức có hại.

Nếu Giáo Hội giữ lại những thành viên như vậy, chẳng phải điều đó đồng nghĩa với việc Giáo Hội tự phủ nhận chính mình sao? Vậy thì, ý nghĩa của tất cả những cuộc tấn công chống lại Giáo Hội trên báo chí, trong các cuộc họp và trong các trò chuyện là gì? Lý trí hoàn toàn từ chối hiểu tất cả những điều này. Hoàn toàn không thể tìm thấy một chút hợp lý nào trong các bài diễn thuyết và hành động mà người ta có dịp nghe và đọc. Mỗi đảng phái chính trị đều có quyền khai trừ khỏi nó những thành viên đã phản bội quan điểm của đảng và bắt đầu hành động theo cách gây hại cho đảng. Chỉ có Giáo Hội Chính Thống giáo, vì một lý do nào đó, không thể khai trừ một người đã tự mình rời bỏ Giáo Hội và trở thành kẻ thù của nó. Tuy nhiên, ai lại bắt đầu khiển trách và lạm dụng bất kỳ ai trong số những nhà dân chủ xã hội hay lập hiến nào bởi vì họ đã ngừng giao thiệp và công khai lên án một trong những thành viên cũ của họ sau khi anh ta gia nhập phe phái của những người theo chủ nghĩa quân chủ? Vâng, chúng ta đã chứng kiến những cơn bộc phát mù quáng và vô lý của sự ác độc của quỷ satan chống lại Giáo Hội Thánh; nhưng điều buồn nhất là thực tế rằng nhiều người đã lạm dụng Giáo Hội trên danh nghĩa Kitô giáo. Hàng ngàn lần người ta đã đọc: “Tại đây họ đã khai trừ Tolstoy, nhưng chẳng phải ông ấy là một Kitô hữu chân chính sao?” Quên đi tất cả những lời báng bổ của Tolstoy và sự phủ nhận Đấng Kitô là Đức Chúa-Người của ông ấy, những lời

phát biểu như vậy được lặp lại bởi những người rõ ràng là chân thành và không chỉ bởi những kẻ nói dối chuyên nghiệp trên báo chí.

Lại một lần nữa, chúng ta đối mặt với ý tưởng, vốn đã ăn sâu vào tâm trí của con người đương đại, về một dạng “Kitô giáo chân chính” nào đó hay là sự thù địch với Giáo hội. Liệu điều gì như vậy có thể xảy ra nếu bản chất của Giáo hội được hiểu rõ ràng, thay vì bị xuyên tạc bởi những giá trị hoàn toàn khó hiểu và mơ hồ khác?

Có ai có thể tưởng tượng rằng trong thời kỳ tông đồ, Giáo Hội Kitô giáo sẽ bị những lời chỉ trích từ phía những kẻ ngoại đạo vì đã khai trừ khỏi chính mình những thành viên không phù hợp, chẳng hạn như những kẻ dị giáo? Trong những thế kỷ đầu tiên, tuy nhiên, việc khai trừ khỏi Giáo Hội là biện pháp kỷ luật phổ biến nhất của Giáo Hội và mọi người đều coi đó là hoàn toàn hợp pháp và rất hữu ích.

Tại sao lại như vậy? Bởi vì khi đó Giáo Hội được coi là một giá trị rõ ràng và xác định, chính xác là một Giáo Hội chứ không phải là một loại “Kitô giáo” nào đó. Thời đó không hề có tư tưởng vô lý rằng Kitô giáo là một thứ và Giáo Hội lại là một thứ khác, như thể Kitô giáo có thể tồn tại tách rời khỏi Giáo Hội. Vào thời đó (người ta nhận thức rằng) sự thù địch chống lại Giáo Hội cũng là sự thù địch chống lại Kitô giáo. Sự thù địch đối với Giáo Hội trên danh nghĩa của một dạng Kitô giáo giả định nào đó chỉ là sản phẩm của thời đại đáng thương của chúng ta.

Khi Kitô giáo xuất hiện trước mắt thế gian chính xác là một Giáo Hội, “thế gian” này tự nó hiểu rõ và vô thức thừa nhận rằng Giáo Hội và Kitô giáo là một và giống nhau. Bây giờ không có một định nghĩa nào đủ rõ ràng để phân cách sự hiệp nhất của Giáo Hội ra khỏi tất cả những ai ở ngoài Giáo Hội. Bây giờ mọi người đều được coi là ngang hàng, chúng ta (những người trong Giáo

Hội) và thậm chí cả những người tự yêu cầu việc khai trừ cho chính mình. Có thể nói rằng kỷ luật Giáo Hội không tồn tại: mọi thứ đã trở nên không bắt buộc đối với giáo dân trí thức—tham dự các buổi phụng vụ, Xưng tội, và Rước Lễ. Do đó, Giáo Hội không có ranh giới rõ ràng và xác định để phân biệt nó khỏi “những người bên ngoài.”

Đôi khi toàn bộ Giáo Hội của chúng ta dường như đang bị phân tán, rối loạn. Không thể biết ai là người của Giáo Hội và ai là kẻ thù. Một dạng vô chính phủ nào đó đang ngự trị trong tâm trí của nhiều người. Quá nhiều “thầy” xuất hiện và một sự “chia rẽ thân thể” (xem 1 Cr 12, 25) của Giáo Hội đã xảy ra. Các giám mục của Giáo Hội cổ xưa giảng dạy từ “nơi cao.” Bây giờ, một người tự nói rằng mình chỉ “ở hiền nhà” hoặc thậm chí chỉ “gần tường nhà thờ,” vẫn tự coi mình có đủ tư cách để dạy dỗ toàn thể Giáo Hội, kể cả những người thuộc hàng giáo phẩm. Những người này tụ họp và soạn thảo tất cả các ý kiến của họ về các vấn đề của Giáo Hội từ các “tờ công cộng” (public sheet) khác nhau (như Tổng Giám mục đô thành Philaret từng gọi giới báo chí), nơi các bài viết về vấn đề của Giáo Hội được viết bởi các linh mục bị giáng chức và những kẻ phản bội Giáo Hội thuộc mọi thành phần, hoặc những kẻ nhạo báng và hỗn hào (như đã được báo trước trong 2 Pr 3, 3), hoặc những người không có liên quan gì đến Giáo Hội và không cảm thấy gì ngoài sự thù địch đối với Giáo Hội, chẳng hạn như người Do Thái.

Trong một tình trạng hỗn loạn như vậy, nhiều người đã hỏi với một sự lo lắng: “Giáo Hội ở đâu?”

Đó là lý do tại sao trong thời đại của chúng ta có rất nhiều cuộc “tìm kiếm” đa dạng và kỳ lạ khác nhau. Trong thời kỳ tông đồ, những người tìm kiếm sự cứu rỗi của linh hồn mình đều hướng về Giáo Hội, và những người bên ngoài không dám quấy rầy họ (Cv 5, 13). Khi đó không có khả năng cho câu hỏi, “Giáo Hội ở

đâu?” Giáo Hội là một giá trị rõ ràng và xác định, tách biệt hoàn toàn với mọi thứ không thuộc về Giáo Hội. Bây giờ thì lại có một giai đoạn trung gian nà đó nằm giữa Giáo Hội và “thế gian” và không còn sự phân cách rõ ràng: Giáo Hội và những gì bên ngoài Giáo Hội.

Ngoài ra, còn tồn tại một dạng Kitô giáo mơ hồ nào đó và thậm chí là một dạng khác không phải là Kitô giáo, mà là một tôn giáo trừu tượng tổng hợp. Những khái niệm mơ hồ về Kitô giáo và tôn giáo đã che khuất ánh sáng của Giáo Hội, khiến những người tìm kiếm khó có thể nhìn thấy rõ ràng, đó là lý do tại sao việc “tìm kiếm” ngày nay thường biến thành việc “đi lang thang.”

Vì lý do này, trong thời đại chúng ta, có rất nhiều người “học mãi mà chẳng bao giờ nhận biết được chân lý” (2 Tm 3, 7). Một môn thể thao mới đã được tạo ra, nếu có thể gọi như vậy, một môn thể thao “tìm kiếm thần thánh.” Việc “Tìm kiếm thần thánh” đã tự nó trở thành mục đích cho chính nó, và nếu nỗ lực của họ đạt được thành công, họ sẽ cảm thấy mình vô cùng bất hạnh và ngay lập tức quay lưng lại, với lòng nhiệt thành trước đây, từ “tìm kiếm thần thánh” sang “chống lại thần thánh” (tức là theomachism).

Nhiều người thẳng thắn xây dựng tên tuổi cho mình trong việc (môn thể thao) “tìm kiếm thần thánh.” Người ta nhớ lại sự lên án nghiêm khắc của Giám mục Michael (Gribanovsky) đối với tất cả những cuộc “tìm kiếm” như vậy. “Họ tìm kiếm,” ông nói, “vì họ đã đánh mất tất cả các nguyên tắc; và trong khi họ tìm kiếm những nguyên tắc tốt hơn, thì những nguyên tắc tồi tệ hơn lại lợi dụng sự hỗn loạn và gian lận một cách không hề day dứt: vì lương tâm nào có thể tồn tại khi không ai biết điều gì là chân thật, điều gì là thiện, điều gì là ác.”

Những hiểu biết trung gian về tôn giáo và Kitô giáo chỉ khiến nhiều người xa rời khỏi chân lý, bởi vì đối với một người chân thành tìm kiếm Chúa, chúng trở thành như là các “trạm thu phí”

(toll-houses). Nhiều người dẫn thân vào con đường tìm kiếm gian nan này, nhưng rất nhiều người đã không thể hoàn thành nó thành công. Phần lớn vẫn đang “đi từ thử thách này sang thử thách khác,” không tìm thấy sự bình an phước lành. Cuối cùng, trong lãnh địa nửa sáng, nửa chân lý này, trong lãnh địa của sự thiếu hiểu biết và mơ hồ này, trong “thế giới mông lung bất định” này, chính tâm hồn lại bị suy thoái, trở nên yếu đuối và khó tiếp nhận được sự linh ứng do Ân Sủng ban tặng.

Một linh hồn như vậy sẽ tiếp tục tìm kiếm ngay cả khi đã tìm thấy điều nó đang tìm kiếm. Lúc đó, một kiểu người đáng thương được ra đời: “kẻ lang bạc tôn giáo,” như F. M. Dostoevsky đã gọi họ.

Tình trạng này đặt ra một trách nhiệm đặc biệt cho tất cả các thành viên Giáo Hội trong thời đại của chúng ta. Các thành viên của Giáo Hội rất có tội vì họ không chỉ rõ đường đi và không soi sáng đủ bằng gương mẫu của mình đi đến cuối cùng cho những người đang tìm kiếm. Điểm đến này không phải là sự hiểu biết trừu tượng về Kitô giáo, mà chính là Giáo Hội của Thiên Chúa hằng sống.

Như nhiều người đã theo đuổi con đường tìm kiếm gian nan đến tận cùng, ta có thể nhận thấy rằng bình an bền vững chỉ đến khi con người tin vào Giáo Hội; khi họ chấp nhận, bằng tất cả bản thân mình, ý tưởng về Giáo Hội theo cách mà, đối với họ, việc tách rời Kitô giáo ra khỏi Giáo Hội là điều không thể tưởng tượng được. Khi đó, đời sống Giáo Hội mới thực sự bắt đầu trở nên sống động. Con người cảm thấy mình là một nhánh của thân cây Giáo Hội vĩ đại, luôn đâm chồi nảy lộc. Họ ý thức được mình không phải là kẻ theo một trường phái nào đó, mà là một chi thể trong thân thể Đấng Kitô, Đấng mà họ cùng chung sự sống và từ Ngài họ nhận được sự sống này.

Chỉ người nào đã tin vào Giáo Hội, người được Giáo Hội dẫn

lối trong việc đánh giá các hiện tượng của cuộc sống và định hướng đời sống cá nhân, người cảm nhận được đời sống Giáo hội bên trong mình, người đó, và chỉ có người đó, mới có thể đi trên con đường đúng đắn. Những điều mà trước đây dường như mơ hồ và không rõ ràng sẽ trở nên hiển nhiên và sáng tỏ. Điều đặc biệt quý giá là trong những thời kỳ dao động chung, của việc lang thang từ nơi này sang nơi khác, từ phải sang trái và từ trái sang phải, mỗi người ý thức được về Giáo Hội đều cảm thấy mình đang đứng trên một tảng đá vững chắc, tồn tại qua hàng thế kỷ; nó vững chãi biết bao dưới chân họ.

Thần Khí của Thiên Chúa sống trong Giáo Hội. Đây không phải là một luận điểm khô khan và giáo điều, được bảo tồn chỉ qua sự tôn trọng đối với những điều cũ kỹ. Không, đây là sự thật; sự thật mà mọi người đều có thể trải nghiệm và biết được khi đã thấm nhuần ý thức Giáo Hội. Đời sống đầy Ân Sủng của Giáo Hội không thể là đối tượng của những nghiên cứu khô khan và học thuật, vì nó chỉ có thể được tiếp cận thông qua trải nghiệm. Ngôn ngữ con người chỉ có thể miêu tả một cách mơ hồ và không rõ ràng về đời sống đầy Ân Sủng này.

Thánh Hilary của Poitiers đã đúng khi ông nói, “Đây là đức hạnh đặc trưng của Giáo Hội—rằng nó trở nên dễ hiểu khi bạn chấp nhận nó.”

Chỉ người nào có đời sống Giáo Hội thì người đó mới biết về đời sống Giáo Hội, và anh ta không cần bằng chứng; nhưng đối với người không có đời sống đó thì điều này là điều không thể chứng minh được.

Đối với một thành viên Giáo Hội, mục tiêu toàn bộ cuộc đời của anh là phải luôn hiệp nhất ngày càng sâu với đời sống của Giáo Hội, và đồng thời, rao giảng cho người khác về Giáo Hội, không thay thế nó bằng Kitô giáo, không thay thế sự sống bằng lý thuyết khô khan và trừu tượng.

Hiện nay, đã có quá nhiều cuộc thảo luận về sự thiếu sót trong đời sống Giáo Hội, về việc “hồi sinh” Giáo Hội. Tất cả những cuộc nói chuyện như vậy rất khó hiểu và chúng ta rất có xu hướng thừa nhận chúng là hoàn toàn vô nghĩa. Sự sống trong Giáo Hội không bao giờ cạn kiệt, vì Chúa Thánh Thần ngự trị trong nó cho đến ngày cuối cùng (xem Gioan 14:16).

Trong Giáo Hội có sự sống, và chỉ những người không có Giáo Hội mới không nhận thấy được sự sống này. Sự sống của Thần Khí Thiên Chúa là không thể hiểu được đối với một người nhận thức chỉ bằng lý trí; thậm chí điều này có thể là ngớ ngẩn đối với anh ta, vì nó chỉ có thể đến được với người nhận thức bằng linh hồn. Những người theo lối suy nghĩ cảm tính cũng hiếm khi cảm nhận được đời sống Giáo Hội; nhưng ngay cả bây giờ vẫn có những người, giản dị trong trái tim và mộ đạo trong đời sống, luôn sống bằng cảm giác này về đời sống đầy Ân Sủng trong Giáo Hội. Bầu không khí của đời sống Giáo Hội và linh hứng Giáo Hội đặc biệt được nhận thấy trong các tu viện.

Những người nói về sự thiếu sót trong đời sống Giáo Hội thường nhắc đến sự thiếu sót trong việc quản lý Giáo Hội, hàng ngàn giấy tờ của hội đồng và vân vân. Nhưng đối với tất cả những ai thực sự hiểu rõ về đời sống Giáo Hội, nó rõ ràng như ban ngày rằng tất cả những hội đồng này với các sắc lệnh của họ đều không ảnh hưởng đến chiều sâu của đời sống Giáo Hội. Dòng sông sâu đầy Ân Sủng tuôn chảy ngày càng nhiều và mang đến nước uống cho tất cả những ai mong muốn giải khát tâm linh. Dòng sông này không thể bị ngăn chặn bằng “giấy tờ.”

Không, không phải là sự thiếu sót trong đời sống Giáo Hội cần được bàn đến, mà là sự thiếu sót ý thức Giáo Hội trong chúng ta. Nhiều người sống đời sống Giáo Hội chỉ theo hình thức, mà thậm chí còn không nhận ra điều đó một cách rõ ràng. Ngay cả khi chúng ta để tâm đến việc sống đời sống Giáo Hội về mặt hình

thức, chúng ta cũng ít rao giảng về những phước lành của đời sống này. Với những người ngoài Giáo Hội, chúng ta thường chỉ tranh luận về các chân lý Kitô giáo, quên mất đời sống Giáo Hội. Đôi khi chúng ta cũng thay thế Giáo Hội bằng Kitô giáo, sự sống bằng lý thuyết trừu tượng.

Thật không may, chính chúng ta lại không trân trọng Giáo Hội của mình và phước lành to lớn của đời sống Giáo Hội đủ nhiều. Chúng ta không tuyên xưng đức tin của mình vào Giáo Hội một cách dũng cảm, rõ ràng và kiên quyết. Mặc dù tin vào Giáo Hội, nhưng dường như chúng ta luôn tự bào chữa cho mình vì vẫn còn tin vào nó. Chúng ta đọc điều khoản thứ chín của Kinh Tin Kính mà không có niềm vui đặc biệt, thậm chí còn mang cảm giác tội lỗi.

Một người có ý thức Giáo Hội hiện nay thường phải đối mặt với lời tuyên bố trong thơ văn của Turgenev: “Ông vẫn còn tin sao? Ông thật là một kẻ lạc hậu!” Và có bao nhiêu người có đủ can đảm để dũng dạc tuyên xưng: “Vâng, tôi tin vào Giáo Hội Duy Nhất, Thánh Thiện, Công Giáo và Tông Truyền, tôi thuộc về Giáo Hội Chính Thống giáo Đông phương và do đó tôi là người tiên bộ nhất, vì chỉ trong Giáo Hội mới có thể có sự sống mới, vì lý do đó mà Con Thiên Chúa đã giáng xuống thế gian tội lỗi; chỉ trong Giáo Hội, con người mới có thể đạt đến mức độ trưởng thành viên mãn trong Đấng Kitô—do đó, chỉ trong Giáo Hội mới có sự cấp tiến thực sự!”

Phải chăng chúng ta thường có xu hướng trả lời câu hỏi: “Chẳng phải anh là một trong những môn đệ của Đấng Kitô?” với câu trả lời: “Tôi có biết Ngài ấy đâu?”

V. Kết luận

Vì vậy, nhu cầu cấp yếu nhất của thời đại hiện nay là tuyên xưng công khai sự thật không thể chối cãi rằng Đấng Kitô đã tạo ra chính Giáo Hội và thật vô lý khi tách Kitô giáo ra khỏi Giáo Hội và nói về một dạng Kitô giáo nào đó nằm ngoài Giáo Hội Chính Thống giáo Đông phương của Đấng Kitô.

Chân lý này, chúng tôi tin, sẽ soi sáng cho nhiều người, về đích đến cuối cùng trong hành trình tìm kiếm một mình của họ; nó sẽ chỉ cho họ thấy, không phải trong giáo lý vô hồn, mà chính là trong đời sống Giáo Hội, nơi họ có thể thực sự “và họ sẽ tỉnh ngộ, thoát khỏi cạm bẫy ma quỷ đã dùng để bắt giữ họ và khiến họ làm theo ý nó” (2 Tim. 2:26). Sự thật này cũng sẽ giúp chúng ta nhận diện đời sống Giáo Hội và “tập hợp những đứa con bị phân tán” của Giáo Hội lại, để tất cả có thể trở thành một, như Đấng Kitô đã cầu nguyện trước khi chịu khổ nạn.

Chúng tôi sẽ kết thúc bài luận của mình bằng một dụ ngôn theo hình thức của các giáo phụ. Giáo Hội giống như một cây sồi vững chắc, và một người ngoài Giáo Hội giống như một con chim bay. Hãy xem con chim tội nghiệp vật lộn thế nào trong gió mạnh. Chuyển bay của nó thật chập choạng! Nó hoặc là bay lên cao, hoặc bị gió lật ngược lại, hoặc bay được một đoạn ngắn, và sau đó lại bị đẩy lùi lại. Đó chính là cách một người bị cuốn theo những cơn gió của giáo lý sai lệch. Nhưng cũng như con chim tìm thấy sự yên lặng trong những nhánh rậm rạp của thân cây và bình yên nhìn ra nơi trú ẩn của nó khi cơn bão hứng dữ băng qua, thì một người cũng sẽ tìm thấy sự bình yên khi chạy đến Giáo Hội. Từ nơi trú ẩn yên lặng của mình, anh ta nhìn ra cơn bão dữ dội “tiền gần bức tường Giáo Hội” và anh ta thương xót cho những người bất hạnh bị cơn bão bên ngoài Giáo Hội cuốn đi và chập trễ trong việc tìm nơi trú ẩn dưới Ân Sủng dồi dào của Giáo Hội,

và anh ta cầu nguyện với Chúa: “Xin Chúa hãy hiệp nhất họ lại vào Giáo Hội Thánh Thiện, Công Giáo và Tông Truyền của Ngài... để họ cũng có thể cùng chúng con tôn vinh danh Thiên Chúa cao quý và uy nghi trong Ba Ngôi Thánh.”